



Ký bởi: *.phuyen.gov.vn

Ngày ký: 05/09/2022 10:45:16 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 13 + 14 + 15

Ngày 05 tháng 09 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

20/07/2022	Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND về việc Quy định chế độ khám sức khỏe định kỳ và một số hỗ trợ khác liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên	5
20/07/2022	Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND về việc Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên	11
20/07/2022	Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND về việc Quy định mức chi hỗ trợ đồng phục công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên	14
20/07/2022	Nghị quyết số 21/2022/NQ-HĐND về việc Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng Cho Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Phú Yên	16
20/07/2022	Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND về việc Quy định chi tiết nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên	18
20/07/2022	Nghị quyết số 23/2022/NQ-HĐND về việc Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động	25

viên thể thao tỉnh Phú Yên

20/07/2022	Nghị quyết số 24/2022/NQ-HĐND về việc Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên	28
20/07/2022	Nghị quyết số 25/2022/NQ-HĐND về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ ...	32
20/07/2022	Nghị quyết số 26/2022/NQ-HĐND về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban	34
20/07/2022	Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND Bãi bỏ Nghị quyết số 51/2005/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2005 và Nghị quyết số 154/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ...	38
20/07/2022	Nghị quyết số 28/2022/NQ-HĐND Bãi bỏ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trên địa bàn tỉnh Phú Yên	40
20/07/2022	Nghị quyết số 29/2022/NQ-HĐND về việc Bãi bỏ Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	42

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

09/08/2022	Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND về việc Bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên	44
17/08/2022	Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên	46
29/08/2022	Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND Về việc ban hành giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Yên	49

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

20/07/2022	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND về việc điều chỉnh giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Phú Yên năm 2022	51
20/07/2022	Nghị quyết số 26/NQ-HĐND về việc Chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị hệ thống y tế cơ sở và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên	53
20/07/2022	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND về việc Chủ trương đầu tư dự án Trung tâm chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	56
20/07/2022	Nghị quyết số 28/NQ-HĐND về việc Chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng khung Khu đô thị Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	58
20/07/2022	Nghị quyết số 29/NQ-HĐND về việc Chủ trương đầu tư dự án Xây dựng doanh trại, kho, bến bãi khu vực neo đậu tàu cho Hải đội dân quân thường trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên	60

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

20/07/2022	Quyết định số 854/QĐ-UBND về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Phú Yên trực thuộc Sở Nội vụ	62
29/08/2022	Quyết định số 1028/QĐ-UBND về việc ban hành Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Phú Yên	65

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

08/07/2022	Quyết định số 811/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ	82
12/07/2022	Quyết định số 816 /QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp	88
10/08/2022	Quyết định số 940/QĐ-UBND công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và	106

Du lịch

10/08/2022	Quyết định số 944/QĐ-UBND V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và ...	114
20/08/2022	Quyết định số 997/QĐ-UBND về việc Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 5/4/2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh...	119
30/08/2022	Quyết định số 1032/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên	
30/08/2022	Quyết định số 1033/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên	134
30/08/2022	Quyết định số 1034/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh	138

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Quy định chế độ khám sức khỏe định kỳ và một số hỗ trợ khác
liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;**Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh Quy định chế độ khám sức khỏe định kỳ và một số hỗ trợ khác liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Ban hành kèm theo nghị quyết này Quy định chế độ khám sức khỏe định kỳ và một số hỗ trợ khác liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên.**Điều 2. Tổ chức thực hiện**

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH**Cao Thị Hòa An**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Chế độ khám sức khỏe định kỳ và một số hỗ trợ khác liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chế độ khám sức khỏe định kỳ và một số hỗ trợ khác liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên: Mua thuốc ngoài phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế và mời Đoàn bác sĩ tham gia khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.

2. Đối tượng 1:

Cán bộ cấp cao thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý (đương chức và nguyên chức).

3. Đối tượng 2:

a) Cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo cấp trưởng của cục, vụ, viện và tương đương có mức lương chuyên môn nghiệp vụ nhóm ngạch công chức loại A3 bậc 4 (hệ số 7,28) trở lên, nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó trưởng đoàn chuyên trách Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và các chức danh có mức phụ cấp chức vụ tương đương mức phụ cấp chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy (đương chức và nguyên chức).

4. Đối tượng 3:

a) Cán bộ lão thành cách mạng; cán bộ tiền khởi nghĩa.

b) Cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo từ cấp cục, vụ, viện và tương đương có mức lương chuyên môn nghiệp vụ nhóm ngạch công chức loại A2 bậc 2 (hệ số 4,74) trở lên, nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh.

c) Cán bộ thuộc diện Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (đương chức và nguyên chức).

5. Đối tượng 4:

a) Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng.

b) Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú, Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú, Giáo sư, Phó Giáo sư, Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú trong lĩnh vực di sản văn hóa phi vật thể (đương chức và nguyên chức).

c) Cán bộ có mức lương chuyên môn, nghiệp vụ ngạch công chức loại A2 (chuyên viên chính và tương đương): Cán bộ nữ, cán bộ dân tộc ít người có mức lương hệ số 4,74 (bậc 2) trở lên (cán bộ có mức lương 3,35 (cũ) đang khám và điều trị theo đối tượng B thì giữ nguyên. Đối tượng B gồm nguyên chức và đương chức: Cán bộ đã được công nhận là “Cán bộ hoạt động cách mạng trước năm 1945”; Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng; Thầy thuốc nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Nghệ sĩ nhân dân; cán bộ giữ chức vụ lãnh đạo cấp cục, vụ, viện và tương đương có mức lương chuyên môn, nghiệp vụ nhóm ngạch công chức loại A2 bậc 2 (hệ số 4,74) trở lên; cán bộ, công chức, viên chức có mức lương chuyên môn, nghiệp vụ nhóm ngạch công chức loại A2 bậc 3 (hệ số 5,08) trở lên (cán bộ có mức lương 3,63 (cũ) đang khám và điều trị theo đối tượng B thì giữ nguyên); cán bộ nữ, cán bộ dân tộc ít người có mức lương chuyên môn, nghiệp vụ nhóm ngạch công chức loại A2 bậc 2 (hệ số 4,74) trở lên (cán bộ có mức lương 3,35 (cũ) đang khám và điều trị theo đối tượng B thì giữ nguyên)); Nam có hệ số lương 5,08 (bậc 3) trở lên (cán bộ có mức lương 3,63 (cũ) đang khám và điều trị theo đối tượng B thì giữ nguyên).

d) Cán bộ tham gia 2 thời kỳ kháng chiến chống Pháp - chống Mỹ, lúc nghỉ hưu có mức lương thấp, nhưng trong kháng chiến đã giữ các chức vụ ở xã như: Chủ tịch, Bí thư Chi, Đảng bộ cơ sở; Chủ tịch mặt trận; Bí thư thanh niên; Hội trưởng phụ nữ xã; Trưởng công an; Trưởng xã đội.

đ) Cán bộ 50 năm tuổi đảng trở lên.

e) Bảo lưu các đồng chí đã làm sổ quản lý sức khỏe, nhưng không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và mức lương thấp gồm:

Các đồng chí Phó Chủ tịch: Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Hội Y học cổ truyền tỉnh, Liên minh Hợp tác xã tỉnh.

Cán bộ nghỉ hưu, mức lương chưa đủ tiêu chuẩn nhưng đã lập sổ khám sức khỏe.

Các đồng chí Giám đốc, Phó Giám đốc các doanh nghiệp Nhà nước, hiện nay đã chuyển sang công ty cổ phần hoặc các thành phần kinh tế khác, nhưng có thời gian tham gia công tác trong kháng chiến (trước ngày 01/4/1975).

Các đồng chí ở các lĩnh vực công tác khác, mức lương không thuộc ngạch chuyên viên chính, nhưng có thời gian công tác trong kháng chiến (trước ngày 01/4/1975).

Các đồng chí không đủ mức lương theo Hướng dẫn 52-HD/BTCTW ngày 02/12/2005 của Ban Tổ chức Trung ương về việc điều chỉnh, bổ sung đối tượng khám, chữa bệnh tại một số cơ sở y tế của Trung ương, nhưng đã có sổ khám bệnh tại Bệnh viện Thống Nhất.

g) Cán bộ thuộc lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu có cấp hàm từ Đại tá trở lên.

h) Cán bộ thuộc lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu có cấp hàm Thiếu tá, Trung tá, Thượng tá có thời gian tham gia kháng chiến trước ngày 01/4/1975.

i) Cán bộ thuộc lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu từng giữ các chức vụ: Huyện đội trưởng, Huyện đội phó, Chính trị viên, Chính trị viên phó huyện đội; Trưởng, Phó Trưởng Công an cấp huyện; Tiểu đoàn trưởng, Tiểu đoàn phó, Chính trị viên,

Chính trị viên Phó Tiểu đoàn trở lên có thời gian tham gia kháng chiến trước ngày 01/4/1975.

k) Cán bộ thuộc lực lượng vũ trang đã nghỉ hưu từng giữ các chức vụ trong kháng chiến (trước ngày 01/4/1975): Đại đội trưởng, Chính trị viên Đại đội.

Điều 3. Chế độ khám sức khỏe định kỳ

1. Đối tượng 1:

a) Khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ 02 lần/năm tại Bệnh viện Thống Nhất; Trung tâm Chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh (gọi tắt là Trung tâm) tổ chức đưa đi theo đoàn bằng phương tiện máy bay; có bác sĩ và điều dưỡng đi theo phục vụ đoàn (tối đa không quá 02 người); gồm các khoản chi sau:

Chi phí đi lại: Thanh toán theo hóa đơn thực tế, gồm: Chi phí đi từ Tuy Hòa đến Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại bằng phương tiện máy bay; Chi phí thuê phương tiện taxi từ sân bay về chỗ nghỉ và ngược lại, từ chỗ nghỉ đến Bệnh viện Thống Nhất để khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ và ngược lại.

Tiền ăn: 250.000 đồng/người/ngày.

Tiền thuê phòng nghỉ: Thanh toán theo hóa đơn thực tế tại Nhà khách Trung ương Đảng T78 hoặc giá tương đương khi ở các khách sạn khác.

Tiền bồi dưỡng: 200.000 đồng/người/chuyến.

Đối với bác sĩ và điều dưỡng đi theo phục vụ đoàn được thanh toán theo giá phòng nghỉ thấp nhất trong đoàn; chi phí đi lại bằng phương tiện máy bay và chế độ công tác phí khác theo quy định hiện hành.

b) Các đồng chí tuổi cao, sức khỏe yếu không thể đi khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ tại Bệnh viện Thống Nhất thì được khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ tại Trung tâm 02 lần/năm:

Chi phí khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ tại Trung tâm (bao gồm thuốc bổ, bồi dưỡng sức khỏe và chi phí cận lâm sàng), mức chi bình quân 2.000.000 đồng/người/lần khám.

c) Trung tâm đưa đón các đồng chí nguyên Bí thư, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, khi bị bệnh nặng phải chuyển lên tuyến trên khám và điều trị; bao gồm các nội dung sau:

Chi thuê xe chuyển viện lên tuyến trên: Thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt quá mức giá tại Trung tâm Cấp cứu 115 thuộc Sở Y tế.

Thanh toán chế độ công tác phí theo quy định hiện hành cho bác sĩ và điều dưỡng theo dõi tình trạng sức khỏe cán bộ trên đường vận chuyển và trong thời gian phục vụ khám, điều trị ở bệnh viện tuyến trên (nếu có).

2. Đối tượng 2:

a) Khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ 02 lần/năm, như sau:

Lần 1: Tại Trung tâm, mời Đoàn bác sĩ Bệnh viện Thống Nhất về khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho các cán bộ. Chi phí khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ (bao gồm thuốc bổ, bồi dưỡng sức khỏe và chi phí cận lâm sàng), bình quân 2.000.000 đồng/người/lần khám.

Lần 2: Tại Bệnh viện Thống Nhất, Trung tâm tổ chức đưa đi theo đoàn bằng phương tiện xe ô tô, bao gồm các nội dung chi sau: Chi phí khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ (do Trung tâm lựa chọn các dịch vụ khám lâm sàng, cận lâm sàng cho

phù hợp với từng trường hợp và ký hợp đồng khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ tại Bệnh viện Thống Nhất), mức chi bình quân 7.000.000 đồng/người/lần khám; Chi phí đi lại: Chi phí đi từ thành phố Tuy Hòa đến Thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại bằng phương tiện xe ô tô, từ chỗ nghỉ đến Bệnh viện Thống Nhất để khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ và ngược lại bằng phương tiện xe ô tô, thanh toán theo quy định hiện hành; Chi tiền ăn, thuê phòng nghỉ, bồi dưỡng: Theo mức chi như Đối tượng 1; Đối với bác sĩ và điều dưỡng đi theo phục vụ đoàn được thanh toán theo giá phòng nghỉ thấp nhất trong đoàn và chế độ công tác phí khác theo quy định hiện hành.

Đối với các đồng chí nguyên ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tuổi cao (từ 80 tuổi trở lên), sức khỏe yếu được khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ tại Bệnh viện Thống Nhất bằng phương tiện máy bay, 01 lần/năm, được thanh toán theo mức chi như Đối tượng 1.

b) Chi hỗ trợ phương tiện chuyển viện khi bị bệnh nặng phải chuyển viện lên tuyến trên đối với các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh (đương chức và nguyên chức), cán bộ hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945 đã được cấp có thẩm quyền công nhận, khi bị bệnh nặng thì số lần được hỗ trợ phương tiện chuyển viện: Thanh toán theo hóa đơn thực tế nhưng không vượt quá mức giá tại Trung tâm cấp cứu 115 thuộc Sở Y tế, cụ thể:

Bệnh nặng phải chuyển lên tuyến trên, được hỗ trợ phương tiện chuyển viện không quá 02 lần/năm.

Bệnh hiểm nghèo (các loại bệnh nan y chữa trị kéo dài) phải chuyển lên tuyến trên, được hỗ trợ phương tiện chuyển viện không quá 03 lần/năm.

3. Đối tượng 3:

a) Khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ 01 lần/năm tại Trung tâm hoặc tại Trung tâm Y tế các huyện, thị xã, thành phố.

Chi phí khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ (bao gồm thuốc bổ, bồi dưỡng sức khỏe và chi phí cận lâm sàng), mức chi bình quân 600.000 đồng/người/năm.

b) Đối với các đối tượng đã nghỉ hưu: Trưởng, phó ban ngành, đoàn thể tỉnh, Bí thư, Phó bí thư huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối trực thuộc Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị, thành phố có thời gian tham gia kháng chiến trước tháng 4/1975. Mỗi năm tổ chức đưa tối đa 03 đoàn (mỗi đoàn xe 15 chỗ ngồi), ưu tiên những đồng chí lớn tuổi, bệnh tật đi kiểm tra sức khỏe tại Bệnh viện Thống Nhất (ít nhất 02 năm/lần/người).

Chi phí khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ (do Trung tâm lựa chọn các dịch vụ khám lâm sàng, cận lâm sàng cho phù hợp với từng trường hợp và ký hợp đồng khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ cho cán bộ tại Bệnh viện Thống Nhất), mức chi bình quân không quá 6.000.000 đồng/người/lần khám.

Chi phí đi lại, chi tiền ăn, thuê phòng nghỉ, bồi dưỡng: Theo mức chi như Đối tượng 2.

Đối với bác sĩ và điều dưỡng đi theo phục vụ đoàn, được thanh toán theo giá phòng nghỉ thấp nhất trong đoàn và chế độ công tác phí khác theo quy định hiện hành.

4. Đối tượng 4:

Khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ 01 lần/năm tại Trung tâm hoặc Trung tâm y tế các huyện, thị xã, thành phố.

Chi phí khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ (bao gồm thuốc bổ, bồi dưỡng sức khỏe và chi phí cận lâm sàng), mức chi bình quân 500.000 đồng/người/năm.

5. Trường hợp trong cùng một chế độ, chính sách, người có nhiều chức danh, chức vụ, danh hiệu khác nhau thì thực hiện chế độ, chính sách cho chức danh, chức vụ, danh hiệu cao nhất.

Điều 4. Một số hỗ trợ khác liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ

1. Trung tâm mua thuốc ngoài phạm vi thanh toán của Quỹ Bảo hiểm y tế để phục vụ việc chăm sóc sức khỏe cho Đối tượng 1 và Đối tượng 2 quy định tại Điều 3, mức chi tối đa 30.000.000 đồng/tháng.

2. Hằng năm, theo chức năng, nhiệm vụ, Trung tâm mời Đoàn bác sĩ Bệnh viện Thống Nhất tham gia khám, kiểm tra sức khỏe định kỳ 1 lần tại Trung tâm cho Đối tượng 1 và Đối tượng 2 quy định tại Điều 3, gồm các khoản chi phí sau:

a) Tiền ăn, thuê phòng nghỉ: Thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành.

b) Chi phí đi lại cho Đoàn bác sĩ Bệnh viện Thống Nhất gồm chi phí đi từ Thành phố Hồ Chí Minh đến thành phố Tuy Hòa và ngược lại bằng phương tiện máy bay: Thanh toán theo hóa đơn thực tế.

c) Tiền bồi dưỡng cho các thành viên Đoàn bác sĩ Bệnh viện Thống Nhất, mức chi: Tối đa 4.000.000 đồng/người/đợt (Trung tâm cân đối, chi trả phù hợp với từng chức danh và nhiệm vụ khám, kiểm tra sức khỏe tại Trung tâm).

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Các khoản chi chế độ khám sức khỏe định kỳ và một số hỗ trợ khác liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh Phú Yên nêu tại Quy định này do ngân sách nhà nước chi trả.

Các nội dung không nêu trong Quy định này được thực hiện theo các chế độ quy định hiện hành./.

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo
đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;
Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của
Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-
BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền
quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
Xét Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 07 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm
định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên thay thế Nghị
quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân
tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến
thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh:**

Nghị quyết này quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi

trường trên địa bàn tỉnh. Các cơ quan nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan đến thu, nộp, quản lý và sử dụng phí.

Điều 2. Cơ quan thu phí, mức thu phí

1. Cơ quan thu phí:

Chi cục Bảo vệ môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Phú Yên.

2. Mức thu:

ĐVT: triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	=<50	>50 và =<100	>100 và =<200	>200 và =<500	>500
Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5	6,5	11	12	14
Nhóm 2: Dự án Công trình dân dụng	6,9	8,5	14	14,5	20
Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	16	17	20
Nhóm 4: Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.	7,8	9,5	16	17	19
Nhóm 5: Dự án giao thông	8,1	10	17	19	20
Nhóm 6: Dự án Công nghiệp	8,4	10,5	17	18	21
Nhóm 7: Dự án khác (không thuộc nhóm 1,2,3,4,5,6)	5	6	10,8	11	14

Trường hợp thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, mức thu bằng 50% mức thu áp dụng đối với thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường lần đầu.

Đối với các dự án thuộc từ 02 nhóm trở lên thì áp dụng mức phí của nhóm có mức thu cao nhất.

Điều 3. Quản lý và sử dụng phí

Cơ quan thu phí được để lại 90% tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 120/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước theo chương, mục, tiểu mục tương ứng của Mục lục ngân sách nhà nước.

Điều 4. Các nội dung khác không quy định tại nghị quyết này thực hiện theo Nghị định 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí

thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 20/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi hỗ trợ đồng phục công chức, viên chức
làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và
Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định về cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức chi hỗ trợ đồng phục công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định mức chi hỗ trợ đồng phục công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với công chức, viên chức được các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử đến làm việc chính thức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo quy định; trừ cán bộ, công chức, viên chức phải mặc trang phục ngành trong thi hành nhiệm vụ công vụ.

Điều 3. Mức chi, nguồn kinh phí hỗ trợ đồng phục

1. Chi hỗ trợ đồng phục đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 này là 2.000.000 đồng/người/năm.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Sử dụng trong dự toán chi thường xuyên được phân bổ theo định mức chi công việc đã giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo quy định.

Điều 4. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Kiểu dáng, màu sắc, cách thức trang bị đồng phục, thời gian mặc đồng phục do Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh quyết định đối với công chức, viên chức được các cơ quan, đơn vị cử làm việc chính thức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với công chức, viên chức được cử làm việc chính thức tại Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã, trên cơ sở đảm bảo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chi hỗ trợ đồng phục đối với công chức, viên chức được cử làm việc chính thức tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã đảm bảo đúng quy định, đúng đối tượng, sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước.

3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi và kiểm tra tình hình triển khai, thực hiện nghị quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khoá VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng
cho Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Phú Yên**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy
ngày 22 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy
và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;*

*Xét Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh dự thảo nghị quyết quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho Đội
trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của
Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định thành lập và hoạt động tại địa phương theo quy định pháp luật.

b) Các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đảm bảo hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng và nguồn kinh phí hỗ trợ**1. Mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng**

a) Đội trưởng Đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ bằng 20% lương tối thiểu vùng.

b) Đội phó Đội dân phòng được hưởng mức hỗ trợ bằng 15% lương tối thiểu vùng.

2. Kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho Đội trưởng, Đội phó Đội dân phòng do ngân sách nhà nước đảm bảo và thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khoá VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Quy định chi tiết nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;**Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ quy định về trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;**Căn cứ Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông;**Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;**Xét Tờ trình số 73/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chi tiết nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định chi tiết nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi trong lĩnh vực giáo dục đào tạo trên địa bàn tỉnh Phú Yên, gồm: Kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông; kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp trường; kỳ thi tuyển sinh vào bậc trung học phổ thông; các cuộc thi, hội thi khác do ngành giáo dục tổ chức.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị quyết này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo cấp tỉnh và huyện; các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Phú Yên được cơ quan có thẩm quyền giao tổ chức thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 1 nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung, mức chi

1. Nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi theo Phụ lục 1 kèm theo nghị quyết này.

2. Nội dung, mức chi chuẩn bị, tổ chức và tham dự các cuộc thi, hội thi cấp tỉnh theo phụ lục 2 kèm theo nghị quyết này.

3. Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp huyện: căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 nghị quyết này để áp dụng với mức chi bằng 80% so với mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.

4. Đối với kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp trường: căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 nghị quyết này để áp dụng với mức chi bằng 60% so với mức chi các kỳ thi, cuộc thi, hội thi cấp tỉnh.

5. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau trong một ngày thì chỉ được hưởng một mức thù lao cao nhất.

6. Các nội dung khác không quy định trong nghị quyết này được áp dụng theo Thông tư số 69/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi áp dụng đối với giáo dục phổ thông.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo thuộc ngân sách địa phương theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH
Cao Thị Hòa An

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG, MỨC CHI CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ CÁC KỲ THI TRONG
LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	Chức danh, nhiệm vụ	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)			
			Tốt nghiệp THPT	Chọn học sinh giỏi cấp quốc gia	Tuyển sinh vào trung học phổ thông	Chọn học sinh giỏi cấp tỉnh
A	B	C	1	2	3	4
I	Chi tiền công cho các chức danh					
1	Hội đồng/Ban ra đề thi					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày			525	525
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày			470	470
	c) Ủy viên, thư ký	người/ngày			420	420
	d) Bảo vệ vòng trong 24/24	người/ngày			320	320
	đ) Ủy viên, thư ký, bảo vệ vòng ngoài	người/ngày			320	320
2	Hội đồng/Ban in sao đề thi					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	470		430	430
	c) Ủy viên, thư ký	người/ngày	420		380	380
	d) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ làm việc cách ly	người/ngày	320		280	280
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ vòng ngoài	người/ngày	260		240	240
3	Ban/Tổ vận chuyển đề thi, bài thi					
	a) Trưởng ban/Tổ trưởng	người/ngày	525	525	475	475
	b) Ủy viên	người/ngày	420	420	380	380
4	Ban chỉ đạo thi					
	a) Trưởng ban	người/ngày	600			

	b) Phó Trưởng ban	người/ngày	480			
	c) Ủy viên, thư ký	người/ngày	420			
	d) Nhân viên phục vụ	người/ngày	260			
5	Hội đồng thi					
	a) Chủ tịch	người/ngày	600		540	540
	b) Phó Chủ tịch	người/ngày	480		430	430
	c) Ủy viên	người/ngày	420		380	380
6	Ban thư ký Hội đồng thi					
	a) Trưởng ban	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Trưởng ban	người/ngày	420		380	380
	c) Ủy viên	người/ngày	370		330	330
7	Ban coi thi					
	a) Trưởng ban	người/ngày	525	525	475	475
	b) Phó Trưởng ban	người/ngày	470	470	430	430
	c) Ủy viên	người/ngày	420	420	390	390
	d) Thư ký	người/ngày	370	370	330	330
	đ) Cán bộ coi thi (giám thi)	người/ngày	320	320	280	280
	e) Công an, bảo vệ	người/ngày	260	260	240	240
	g) Nhân viên phục vụ, nhân viên y tế	người/ngày	260	260	240	240
8	Ban làm phách					
	a) Trưởng ban	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Trưởng ban	người/ngày	420		380	380
	c) Ủy viên, thư ký	người/ngày	370		330	330
	c) Công an làm việc cách ly	người/ngày	320		280	280
	d) Nhân viên phục vụ, bảo vệ	người/ngày	260		240	240
9	Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định bài thi tự luận					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	470		430	430
	c) Giám khảo/Cán bộ chấm thi	người/ngày	450		400	400

	d) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	người/ngày	370		330	330
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	người/ngày	260		240	240
10	Hội đồng/Ban chấm thi, phúc khảo, thẩm định bài thi trắc nghiệm					
	a) Chủ tịch/Trưởng ban	người/ngày	525		475	
	b) Phó Chủ tịch/Phó Trưởng ban	người/ngày	470		430	
	c) Giám khảo/Cán bộ chấm thi	người/ngày	450		400	
	d) Ủy viên, thư ký, kỹ thuật viên	người/ngày	370		330	
	đ) Nhân viên phục vụ, công an, bảo vệ	người/ngày	260		240	
11	Trực bảo vệ đề thi, bài thi (ngoài giờ làm việc của Hội đồng)	người/ngày	260	260	240	240
12	Thanh tra thi					
	a) Trưởng đoàn thanh tra	người/ngày	525		475	475
	b) Phó Trưởng đoàn thanh tra	người/ngày	420		380	380
	c) Ủy viên đoàn thanh tra	người/ngày	370		330	330
	d) Thanh tra viên độc lập	người/ngày	420		380	380
II	Tiền công ra đề thi					
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi					
	a) Chủ trì	người/ngày			475	475
	b) Các thành viên	người/ngày			380	380
2	Ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	đề			630	700
3	Ra đề thi chính thức và dự bị kèm theo đáp án, biểu điểm	người/ngày			675	750
III	Tiền công xây dựng ngân hàng câu hỏi					

	thi					
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi					
	a) Chủ trì	người/ngày			475	475
	b) Các thành viên	người/ngày			380	380
2	Soạn thảo câu hỏi thô	câu			70	70
3	Rà soát, chọn lọc, thẩm định và biên tập	câu			60	60
4	Chỉnh sửa lại câu hỏi sau thử nghiệm	câu			50	50
5	Chỉnh sửa lại câu hỏi sau thử nghiệm đề thi	câu			35	35
6	Rà soát, lựa chọn, nhập câu hỏi vào ngân hàng	câu			10	10
7	Thuê chuyên gia định cỡ câu trắc nghiệm					
	a) Chủ trì	người/ngày			450	450
	b) Các thành viên	người/ngày			360	360
IV	Chi tập huấn, bồi dưỡng đội tuyển học sinh giỏi					
1	Chi phụ cấp cho cán bộ phụ trách lớp tập huấn	người/ngày				80
2	Chi biên soạn và giảng dạy	tiết				250
3	Chi trợ lý thí nghiệm, thực hành	tiết				75
V	Chi hỗ trợ tiền ăn cho học sinh thuộc đội tuyển học sinh giỏi cấp huyện, cấp tỉnh, cấp quốc gia	học sinh/ngày học bồi dưỡng	120			

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG, MỨC CHI CHUẨN BỊ, TỔ CHỨC VÀ THAM DỰ
CÁC CUỘC THI, HỘI THI CẤP TỈNH TRONG LĨNH VỰC GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 20 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên)

STT	Nội dung chi	ĐVT	Mức chi (1.000 đồng)
A	B	C	1
I	Ban tổ chức		
1	Trưởng ban	người/ngày	475
2	Phó Trưởng ban	người/ngày	430
3	Thành viên/ủy viên	người/ngày	380
II	Ban ra đề		
1	Xây dựng và phê duyệt ma trận đề thi và bản đặc tả đề thi		
	a) Chủ trì	người/ngày	475
	b) Các thành viên	người/ngày	380
2	Ra đề đề xuất đối với đề thi tự luận	đề	630
3	Ra đề thi chính thức và dự bị kèm theo đáp án, biểu điểm	người/ngày	675
III	Ban giám khảo		
1	Trưởng ban	người/ngày	475
2	Phó Trưởng ban	người/ngày	430
3	Thành viên/ủy viên	người/ngày	380
IV	Tổ phục vụ		
1	Tổ trưởng	người/ngày	380
2	Thành viên/Ủy viên	người/ngày	300

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 23/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT
Quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù
đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 36/2019/NĐ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao;

Căn cứ Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên thể thao thành tích cao, vận động viên thể thao thành tích cao;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND, ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao trên địa bàn tỉnh Phú Yên trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu tại:

- a) Đội tuyển cấp tỉnh;
- b) Đội tuyển trẻ cấp tỉnh;
- c) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh;
- d) Đội tuyển cấp tỉnh của ngành Giáo dục và Đào tạo;
- đ) Đội tuyển thể thao người khuyết tật cấp tỉnh;
- e) Đội tuyển cấp huyện;
- g) Đội tuyển thể thao người khuyết tật cấp huyện.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc thực hiện các quy định tại nghị quyết này.

Điều 3. Nội dung và mức chi thực hiện chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện, tập huấn và thi đấu

1. Thời gian tập trung tập luyện, tập huấn, thi đấu là số ngày huấn luyện viên, vận động viên có mặt thực tế tập trung tập luyện, tập huấn, thi đấu theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

2. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập luyện.

- a) Đội tuyển cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày.
- b) Đội tuyển trẻ cấp tỉnh: 160.000 đồng/người/ngày.
- c) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 120.000 đồng/người/ngày.

3. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung tập huấn.

- a) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 160.000 đồng/người/ngày.
- b) Đội tuyển người khuyết tật cấp tỉnh: 240.000 đồng/người/ngày.
- c) Đội tuyển cấp huyện: 160.000 đồng/người/ngày.
- d) Đội tuyển người khuyết tật cấp huyện: 160.000 đồng/người/ngày.
- đ) Đội tuyển cấp tỉnh của ngành Giáo dục và Đào tạo: 120.000 đồng/người/ngày.

4. Chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian tập trung thi đấu.

- a) Đội tuyển năng khiếu cấp tỉnh: 220.000 đồng/người/ngày.
- b) Đội tuyển người khuyết tật cấp tỉnh: 320.000 đồng/người/ngày.
- c) Đội tuyển cấp huyện: 220.000 đồng/người/ngày.
- d) Đội tuyển người khuyết tật cấp huyện: 220.000 đồng/người/ngày.
- đ) Đội tuyển cấp tỉnh của ngành Giáo dục và Đào tạo: 150.000 đồng/người/ngày.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên thuộc các đội tuyển tỉnh quản lý.

2. Ngân sách huyện, thị xã, thành phố và Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo kinh phí thực hiện chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên cơ quan, địa phương quản lý.

3. Khuyến khích các nguồn xã hội hóa để thực hiện các chế độ dinh dưỡng đối với huấn luyện viên, vận động viên, nhằm giảm chi ngân sách.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 18/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi đối với các giải thi đấu thể thao và các chế độ khác cho hoạt động thể dục thể thao do địa phương quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Mục I Quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên vận động viên thể thao thành tích cao mức chi đối với các giải thi đấu thể thao và các chế độ khác cho hoạt động thể dục thể thao do địa phương quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Bỏ cụm từ “Thông tư liên tịch số 149/2011/TTLT/BTC-BVHTTDL” tại đoạn cuối cùng của Quy định mức chi chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao thành tích cao; mức chi đối với các giải thi đấu thể thao và các chế độ khác cho hoạt động thể dục thể thao do địa phương quản lý ban hành kèm theo Nghị quyết số 46/2012/NQ-HĐND ngày 12/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Những nội dung khác có liên quan không quy định tại nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 86/2020/TT-BTC ngày 26 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH PHÚ YÊN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông;

Xét Tờ trình số 72/TTr-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo nghị quyết quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi tập huấn, bồi dưỡng giáo viên để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới quy định tại Quyết định số 404/QĐ-TTg ngày

27 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; bồi dưỡng năng lực triển khai chương trình, sách giáo khoa mới cho nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục phổ thông quy định tại Mục III.2.a Điều 1 Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 -2020, định hướng đến năm 2025” (sau đây gọi tắt là tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục) trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục, giáo viên và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục (sau đây gọi là học viên) trên địa bàn tỉnh Phú Yên, các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan.

Điều 3. Nguồn kinh phí tập huấn, bồi dưỡng

1. Nguồn ngân sách nhà nước chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề theo phân cấp ngân sách của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Nguồn thu hoạt động sự nghiệp của các cơ sở giáo dục công lập.

3. Nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; các nguồn vốn xã hội hóa, nguồn vốn huy động hợp pháp, nguồn thu khác theo quy định của pháp luật của các cơ sở giáo dục; đóng góp của học viên.

4. Nguồn tài chính hợp pháp của các cơ sở giáo dục ngoài công lập.

Điều 4. Mức chi tập huấn, bồi dưỡng

1. Chi số hóa tài liệu phục vụ tập huấn, bồi dưỡng trực tuyến.

Các khoản tiền công: Xây dựng kịch bản dạy học (chuỗi các hoạt động dạy học) của bài học; xây dựng nội dung chi tiết của bài học (từng hoạt động) theo kịch bản dạy học (sản phẩm bao gồm nội dung các hoạt động dạng text và các chỉ dẫn/cài đặt để sử dụng các tư liệu trong từng hoạt động, chưa bao gồm các tài liệu đa phương tiện (multimedia) như hình ảnh, âm thanh, phương tiện điện tử ghi, sao chép (video), đồ họa (infographics)...); chuyên gia/giáo viên ghi hình (nghiên cứu kịch bản và nội dung tiết học; phối hợp với kỹ thuật viên video để chuẩn bị; phối hợp ghi hình); xây dựng bản yêu cầu/hướng dẫn biên tập video (hậu kỳ, thời lượng video tối đa 90 phút); thống kê và xử lý cơ bản dữ liệu kết quả của khóa tập huấn, bồi dưỡng (danh sách điểm, phân nhóm đối tượng, phổ điểm, tỷ lệ - tối thiểu cho 250 học viên). Áp dụng theo quy định tại Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTBXH ngày 12 tháng 01 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định mức lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở dự toán gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian sử dụng vốn nhà nước; mức chi như sau:

a) Mức 1: 28.000.000 đồng/tháng; 7.750.000 đồng/tuần; 1.400.000 đồng/ngày; 175.000 đồng/giờ.

Áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây : Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 15 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn; Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 8 năm kinh nghiệm trở lên trong chuyên ngành tư vấn; Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh Trưởng nhóm tư vấn hoặc chủ trì tổ chức, điều hành gói thầu tư vấn.

b) Mức 2: 21.000.000 đồng/tháng; 5.810.000 đồng/tuần; 1.050.000 đồng/ngày; 130.000 đồng/giờ.

Áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây : Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 10 đến dưới 15 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn; Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 8 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn ; Chuyên gia tư vấn đảm nhiệm chức danh chủ trì triển khai một hoặc một số hạng mục thuộc gói thầu tư vấn.

c) Mức 3: 14.000.000 đồng/tháng; 3.870.000 đồng/tuần; 700.000 đồng/ngày; 87.000 đồng/giờ.

Áp dụng đối với chuyên gia tư vấn thuộc một trong các trường hợp sau đây : Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có từ 5 đến dưới 10 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn; Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên và có từ 3 đến dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

d) Mức 4: 10.500.000 đồng/tháng; 2.900.000 đồng/tuần; 525.000 đồng/ngày; 65.000 đồng/giờ.

Áp dụng đối với một trong các trường hợp sau đây : Chuyên gia tư vấn có bằng đại học đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 5 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn; Chuyên gia tư vấn có bằng thạc sĩ trở lên đúng chuyên ngành tư vấn và có dưới 3 năm kinh nghiệm trong chuyên ngành tư vấn.

2. Chi tiền công cho giảng viên, trợ giảng (nếu có), báo cáo viên trong nước (gồm cả hình thức tập huấn, bồi dưỡng trực tiếp và trực tuyến); tiền công cho nhân viên giám sát, vận hành hệ thống học tập trực tuyến (trường hợp thuê hệ thống quản lý học tập trực tuyến thì tiền công cho người giám sát, vận hành hệ thống học tập trực tuyến tính trong tổng mức kinh phí thuê) trên cơ sở thỏa thuận theo hình thức hợp đồng công việc phù hợp với chất lượng, trình độ của giảng viên, báo cáo viên trong phạm vi dự toán được giao. Tổng mức chi tiền công: 1.400.000 đồng/buổi (một buổi giảng được tính bằng 4 tiết học), được tính cho tất cả các thành viên trực tiếp tham gia hướng dẫn, giảng dạy trong 1 buổi tập huấn, bồi dưỡng.

3. Chi khen thưởng cho học viên đạt loại giỏi, loại xuất sắc: 200.000 đồng/học viên.

4. Những nội dung khác không quy định tại nghị quyết này thì được thực hiện theo Thông tư số 83/2021/TT-BTC ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí tập huấn, bồi dưỡng giáo viên và

cán bộ quản lý cơ sở giáo dục để thực hiện chương trình mới, sách giáo khoa mới giáo dục phổ thông và các văn bản khác có liên quan.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 59/TTr-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đối tượng nộp phí: Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh.

b) Cơ quan thu phí: Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan thu phí đối với phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc kê khai, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh Phú Yên.”.

Điều 2. Bãi bỏ cụm từ “xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi” tại tên gọi và khoản 3 Điều 2 của Nghị quyết số 12/2020/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo****Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020****của Hội đồng nhân dân tỉnh****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN****KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;**Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông;**Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Phú Yên ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên.**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 3 như sau****“1. Đối với đối tượng chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP ngày 24/5/2018 của Chính phủ về khuyến nông:****a) Đối tượng chuyển giao công nghệ hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, gồm chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường**

hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

b) Đối tượng chuyển giao công nghệ không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, buôn thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND.

2. Đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 83/2018/NĐ-CP:

a) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên. Riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, thôn, buôn thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND.

b) Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác, thành viên hợp tác xã và các cá nhân khác hoạt động sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo); hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại hỗ trợ 50% mức quy định đối với đối tượng nhận chuyển giao công nghệ là người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo nêu trên. Đối với chỗ ở cho người học, đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 50% chi phí theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND.

c) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo) khi tham dự đào tạo.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 4 như sau:

“2. Tổ chức hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp Việt Nam cấp khu vực, cấp quốc gia. Hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng (trên cơ sở giá đấu thầu, trường hợp không đủ điều kiện đấu thầu thực hiện theo quy định tại khoản 19 Điều 3 và khoản

7 Điều 4 Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg ngày 08/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về một số gói thầu, nội dung mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 26 Luật Đấu thầu và thẩm quyền phê duyệt giá của gói thầu được thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 06/2018/NQ-HĐND ngày 27/9/2019 của HĐND tỉnh Quy định về phân cấp, sử dụng tài sản công tại các cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi tỉnh quản lý); chi thông tin tuyên truyền hội chợ, chi hoạt động của Ban tổ chức.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 5 như sau:

“1. Chính sách hỗ trợ xây dựng mô hình trình diễn

a) Mô hình trình diễn ở địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, địa bàn bị ảnh hưởng của thiên tai, dịch hại, biến đổi khí hậu theo công bố của cấp có thẩm quyền được hỗ trợ 100% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

b) Mô hình trình diễn ở địa bàn trung du, miền núi được hỗ trợ 70% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

c) Mô hình trình diễn ở địa bàn đồng bằng được hỗ trợ 50% chi phí về giống, thiết bị, vật tư thiết yếu để xây dựng mô hình.

d) Mô hình ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ 40% tổng kinh phí thực hiện mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

đ) Mô hình tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh nông nghiệp được hỗ trợ 100% kinh phí thực hiện mô hình nhưng không quá 100 triệu đồng/mô hình (đối với tất cả các địa bàn).

e) Hỗ trợ 100% chi phí chứng nhận cơ sở sản xuất thực phẩm an toàn, cơ sở an toàn dịch bệnh khi tham gia xây dựng mô hình theo quy định hiện hành (đối với tất cả các loại mô hình).

2. Chính sách nhân rộng mô hình

Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí tổ chức đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền, hội nghị, hội thảo, tham quan học tập để nhân rộng mô hình.

5. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau

“Điều 7. Nội dung chi, mức hỗ trợ quản lý nhiệm vụ khuyến nông

1. Cơ quan quản lý khuyến nông được trích 3% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan được ủy quyền) giao dự toán trong năm để phục vụ công tác quản lý khuyến nông, báo cáo cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nội dung và kinh phí trước khi thực hiện.

2. Tổ chức chủ trì và đơn vị triển khai thực hiện dự án, nhiệm vụ khuyến nông được trích 5% nguồn kinh phí khuyến nông được cấp có thẩm quyền (Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc cơ quan được ủy quyền) giao dự toán trong năm để chi cho công tác tổ chức thực hiện, quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, nghiệm thu, quyết toán và chi khác. Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 51/2005/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2005
và Nghị quyết số 154/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của
Hội đồng nhân dân tỉnh về tiêu chí xác định các dự án lớn, dự án quan trọng
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Xét Tờ trình số 53/TTr-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về dự thảo nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 51/2005/NQ-HĐND ngày 21
tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê chuẩn tiêu chí xác định các
dự án, các công trình quan trọng trên địa bàn tỉnh Phú Yên và Nghị quyết số
154/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về
điều chỉnh, bổ sung tiêu chí xác định các dự án lớn, dự án quan trọng trên địa bàn
tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 51/2005/NQ-HĐND ngày 21 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân tỉnh về phê chuẩn tiêu chí xác định các dự án, các công trình quan trọng trên địa bàn tỉnh Phú Yên và Nghị quyết số 154/2010/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung tiêu chí xác định các dự án lớn, dự án quan trọng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Lý do: Trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư các dự án

đầu tư xây dựng đã được quy định cụ thể tại Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức Đối tác công tư và các văn bản hướng dẫn liên quan.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức,
viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 ngày 6 tháng 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BTC ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh
phí bảo đảm công tác cải cách hành chính nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh Phú Yên về việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 11/2018/NQ-
HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức
chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả
kết quả trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng
nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ Nghị quyết số 11/2018/NQ-HĐND ngày 27 tháng 9 năm 2018
của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định mức chi hỗ trợ cho cán bộ, công chức,
viên chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định
giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khoá VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/2022/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Bãi bỏ Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác
hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Thông tư số 64/2021/TT-BTC ngày 27 tháng 9 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh
phí ngân sách nhà nước phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và
vừa;*

*Xét Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND
ngày 21 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi
thực hiện công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên; Báo
cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Bãi bỏ Nghị quyết số 29/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 9 năm 2017
của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi thực hiện công tác hỗ trợ
pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại
biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định
giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 30 tháng 7 năm 2022./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2022/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 09 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Bãi bỏ các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật tổ chức chính phủ và luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật lâm nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 192/TTr-SNN ngày 04 tháng 08 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ các quyết định

Bãi bỏ toàn bộ các quyết định sau đây:

1. Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2016 của UBND tỉnh Phú Yên về ban hành quy định tạm thời định mức kỹ thuật và mức chi phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác theo phương án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Phú Yên.

2. Quyết định số 64/2017/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Phú Yên về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tạm thời định mức kỹ thuật và mức chi phí trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng

sang mục đích khác theo phương án nộp tiền vào Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Phú Yên kèm theo Quyết định số 20/2016/QĐ-UBND ngày 14/6/2016 của UBND tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 19 tháng 8 năm 2022.
2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Xây dựng, Công thương, Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2022/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND
ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Bảng hệ số
điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính quyền địa
phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính
phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính
phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt
nước;*

*Căn cứ Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-
BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số
điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ
quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Thông tư số 333/2016/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2014/TT-
BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị*

định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1847/TTr-STC ngày 06/7/2022; ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Công văn số 149/HĐND-KTNS ngày 15/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 15/4/2022 của UBND tỉnh Phú Yên ban hành Bảng hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

1. Sửa đổi Khoản 1 Điều 1 như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Hệ số điều chỉnh giá đất quy định tại Quyết định này được áp dụng để xác định giá đất cụ thể đối với các trường hợp được quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 4 Điều 114, khoản 2 Điều 172 và khoản 3 Điều 189 của Luật đất đai, xác định giá đất để làm giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê mà thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 20 tỷ đồng; xác định giá đất để làm căn cứ tính tiền thuê đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm mà phải xác định lại đơn giá thuê đất để điều chỉnh cho chu kỳ tiếp theo; xác định giá đất để làm cơ sở xác định giá khởi điểm đấu giá quyền sử dụng đất khi Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hàng năm.

2. Bổ sung Điểm 1.15 vào Khoản 1 phần A Mục IV của Phụ lục 2 – Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn.

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
IV	HUYỆN PHÚ HÒA				
A	Vùng đồng bằng (07 xã)				
1	Xã Hòa An (Vùng đồng bằng)				
1.15	Dự án: Khép kín khu dân cư xã Hoà An (đối diện cây xăng ân niên)				
-	Đường D1; D2; N1; N2; N3; N4; N5 rộng 11,5m	1,0			

3. Bổ sung Điểm 2.9 vào Khoản 2 phần A Mục IV của Phụ lục 2 – Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn.

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
IV	HUYỆN PHÚ HÒA				

A	Vùng đồng bằng (07 xã)				
2	Xã Hòa Thắng (Vùng đồng bằng)				
2.9	Dự án: Khép kín khu cư phía nam ngã tư QL25 - ĐH25 thôn Phong Niên				
-	Đường N1; N2; N3; D1 rộng 11,5m	1,0			

4. Bổ sung Điểm 5.9 vào Khoản 5 phần A Mục IV của Phụ lục 2 – Hệ số điều chỉnh giá đất ở tại nông thôn.

STT	Tên đường, đoạn đường	Hệ số điều chỉnh giá đất			
		VT1	VT2	VT3	VT4
IV	HUYỆN PHÚ HÒA				
A	Vùng đồng bằng (07 xã)				
5	Xã Hòa Trị (xã đồng bằng)				
5.9	Dự án: Khép kín khu cư phía đông trường tiểu học Hòa Trị 2				
-	Đường D1; D2; D5; N2; N4 rộng 11,5m	1,0			
-	Đường N1 rộng khoảng 9m	1,0			
-	Đường N3 rộng 6m	1,0			
-	Đường D3 và D4 rộng 4m	1,0			

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho Bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phú Hoà và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 8 năm 2022./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2022/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành giá nước sạch sinh hoạt
trên địa bàn tỉnh Phú Yên**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;

Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định giá nước sạch sinh hoạt;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính (tại Tờ trình số 1750/TTr-STC ngày 28/6/2022).

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các hộ dân cư sử dụng nước sạch sinh hoạt.

b) Đơn vị cấp nước.

c) Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Giá nước sạch sinh hoạt

1. Hộ dân cư:

- | | |
|---|------------------------------|
| a) Mức tiêu thụ từ 01 m ³ đến 10 m ³ đầu: | 7.800 đồng/m ³ . |
| b) Mức tiêu thụ từ 11 m ³ đến 20 m ³ : | 10.200 đồng/m ³ . |
| c) Mức tiêu thụ từ 21 m ³ đến 30 m ³ : | 12.500 đồng/m ³ . |
| d) Mức tiêu thụ trên 30 m ³ : | 14.800 đồng/m ³ . |
| 2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp: | 13.400 đồng/m ³ . |
| 3. Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất: | 16.600 đồng/m ³ . |
| 4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ: | 19.600 đồng/m ³ . |
| 5. Bán qua đồng hồ tổng: | 7.000 đồng/m ³ . |
| 6. Bán cho tàu thuyền: | 28.000 đồng/m ³ . |

Giá nước sạch sinh hoạt nêu trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, chưa bao gồm các loại thuế và phí khác theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 9 năm 2022.

2. Thay thế Quyết định số 45/2016/QĐ-UBND ngày 01/9/2016 của UBND tỉnh Phú Yên về phê duyệt phương án giá tiêu thụ nước sạch và ban hành giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt các hộ dân cư trên địa bàn tỉnh do Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên sản xuất.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Phú Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyễn Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 25/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Về việc điều chỉnh giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Phú Yên năm 2022****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và
Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Sau khi xem xét Tờ trình số 85/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Phú Yên năm 2022; trên cơ sở Công văn số 6028/BNV-TCBC ngày 27/11/2021 của Bộ Nội vụ về số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh Phú Yên năm 2022; Báo cáo thẩm tra của Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Phú Yên năm 2022, như sau:

Số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên là: 16.742 người và 22 người làm việc dự phòng để thực hiện cân đối cho các cơ quan, đơn vị địa phương nếu có nhu cầu cần thiết theo quy định hoặc đưa vào cắt giảm trong giai đoạn tiếp theo, giảm 342 người so với năm 2021.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này; đồng thời chỉ đạo việc thực hiện giảm số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân

sách nhà nước kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đến trước ngày 31 tháng 12 năm 2022.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khoá VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây mới, cải tạo,
nâng cấp và mua sắm trang thiết bị hệ thống y tế cơ sở và
Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Xét Tờ trình số 86/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây mới, cải
tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị hệ thống y tế cơ sở và Trung tâm Kiểm
soát bệnh tật tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội
đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị hệ thống y tế cơ sở và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên, với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Đầu tư xây mới, cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị hệ thống y tế cơ sở và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên.

2. Chủ đầu tư: Sở Y tế tỉnh Phú Yên.

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Mục tiêu đầu tư

- *Phần xây dựng:* Đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp 28 Trạm y tế xã, phường, thị trấn, nhằm nâng cao năng lực mạng lưới y tế cơ sở bảo đảm chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho Nhân dân.

- *Phần thiết bị:* Củng cố và nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh; chẩn đoán, điều trị, phục hồi chức năng cho hệ thống y tế cơ sở; tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể tiếp cận các dịch vụ chăm sóc sức khỏe có chất lượng cao ngay từ tuyến đầu, hạn chế chuyển tuyến.

7. Địa điểm thực hiện dự án

- Đầu tư xây dựng tại các Trạm y tế thuộc 09 huyện, thị xã, thành phố;
- Đầu tư thiết bị y tế tại 09 Trung tâm y tế tuyến huyện và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC).

8. Phạm vi, quy mô đầu tư

8.1. Phần xây dựng:

- 28 Trạm y tế được đầu tư xây dựng đã được đánh giá hiện trạng và đề xuất đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp phù hợp với quy mô đầu tư theo vùng được quy định tại Thông tư số 32/2021/TT-BYT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành hướng dẫn thiết kế cơ bản Trạm y tế xã, phường, thị trấn. Theo đó, diện tích sử dụng của các Trạm y tế được quy định như sau:

- + Trạm y tế vùng 1: Nhà cấp III; diện tích sàn: 290m²
- + Trạm y tế vùng 2: Nhà cấp III; diện tích sàn: 390m²
- + Trạm y tế vùng 3: Nhà cấp III; diện tích sàn: 420m²

- Các hạng mục phụ trợ:

+ Sân đường nội bộ: Diện tích sân đường tận dụng và sân đường làm mới chiếm khoảng 10% diện tích đất đối với Trạm y tế có diện tích >2.000m²; khoảng 15% diện tích đất đối với Trạm y tế có diện tích <2.000m²; khoảng 20% diện tích đất đối với Trạm y tế có diện tích <1.000m².

+ Tường rào: Tường rào còn sử dụng được sẽ giữ nguyên; tường rào hư hỏng thì sửa chữa; xây dựng mới các đoạn chưa có tường rào hoặc tường rào bị ngã, đổ, hư hại hoàn toàn hoặc phải nâng cao do nâng nền sân.

+ Vườn thuốc nam: Đảm bảo trồng được 09 loại cây, mỗi loại 02 ô, mỗi ô 4m², tổng cộng khoảng 80m².

+ Nhà chứa rác: Nhà 1 tầng, cấp IV, diện tích xây dựng: 11,8m²; chiều cao: 3,0m; chiều cao nền so với mặt sân: 0,10m; mái lợp tole; nền bê tông; trần nhựa. Kết cấu: tường gạch chịu lực; sàn bê tông cốt thép; móng tường xây đá chẻ.

+ Nhà xe: Khung thép; mái lợp tôn; xà gồ thép hộp; cột, kèo bằng ống thép tráng kẽm. Kết cấu: móng cột bê tông cốt thép kết hợp xây móng đá chẻ. Xây dựng mới hoặc sửa chữa, mở rộng tùy theo điều kiện thực tế tại mỗi Trạm y tế.

+ Nâng nền: Nâng nền cục bộ khu đất để phù hợp với địa hình chung quanh và bảo đảm việc chống lũ, ngập úng.

+ Kè đá: Để giữ đất nâng nền hoặc kết hợp làm móng tường rào tại các vị trí có độ chênh cao giữa đất bên trong và đất bên ngoài.

+ Hệ thống cấp điện.

+ Hệ thống cấp thoát nước.

8.2. Phần thiết bị y tế

Đầu tư các thiết bị y tế phù hợp với quy định của Bộ Y tế, phù hợp với công năng và nhu cầu sử dụng của Trung tâm y tế tuyến huyện và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC), gồm 10 đơn vị sau:

- + Trung tâm y tế thị xã Đông Hòa, quy mô 80 giường bệnh;
- + Trung tâm y tế huyện Tây Hòa, quy mô 150 giường bệnh;
- + Trung tâm y tế huyện Sông Hinh, quy mô 80 giường bệnh;
- + Trung tâm y tế thành phố Tuy Hòa, quy mô 50 giường bệnh;
- + Trung tâm y tế huyện Phú Hòa, quy mô 80 giường bệnh;

- + Trung tâm y tế huyện Sơn Hòa, quy mô 150 giường bệnh;
- + Trung tâm y tế huyện Đồng Xuân, quy mô 120 giường bệnh;
- + Trung tâm y tế huyện Tuy An, quy mô 150 giường bệnh;
- + Trung tâm y tế thị xã Sông Cầu, quy mô 155 giường bệnh.
- + Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC).

9. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 153.000 triệu đồng

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Trung ương - Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế, xã hội thuộc lĩnh vực y tế.

11. Hình thức đầu tư của dự án:

- Xây mới, cải tạo, nâng cấp 28 Trạm y tế xã, phường, thị trấn.
- Mua sắm trang thiết bị hệ thống y tế cơ sở và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Phú Yên.

12. Thời gian thực hiện dự án

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2022;
- Thực hiện đầu tư: Năm 2022 - 2023.

13. Cơ chế và giải pháp thực hiện: Thực hiện đúng theo quy định pháp luật về đầu tư công, xây dựng, môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

14. Các nội dung khác: Theo hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và được cụ thể hóa trong bước lập dự án đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Chủ trương đầu tư dự án Trung tâm chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;
Xét Tờ trình số 74/TTr-UBND ngày 23 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Trung tâm chăm sóc sức khỏe
cán bộ tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Trung tâm chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh với những nội dung sau:

- 1. Tên dự án:** Trung tâm chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh.
- 2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh.
- 3. Dự án nhóm:** Nhóm C.
- 4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:** Hội đồng nhân dân tỉnh.
- 5. Cấp quyết định đầu tư dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh.
- 6. Mục tiêu đầu tư:** Đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị Trung tâm chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh nhằm tạo điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ.
- 7. Địa điểm thực hiện dự án:** Trong khu đất của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Phú Yên (tại khu đất dự phòng phát triển bệnh viện, phía Tây - Bắc của Bệnh viện đa khoa tỉnh).
- 8. Phạm vi, quy mô đầu tư:** Bao gồm các khu chức năng:
 - Khu khám và điều trị ngoại trú;
 - Khu điều trị;
 - Khu tạm lưu bệnh nhân;
 - Khu hành chính - hậu cần kỹ thuật;
 - Khu phụ trợ.
- 9. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án:** 28.567 triệu đồng.
- 10. Nguồn vốn đầu tư:** Ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 - 2025
- 11. Hình thức đầu tư của dự án:** Xây dựng mới.

12. Thời gian thực hiện dự án

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2022;
- Thực hiện đầu tư: Năm 2023 - 2024.

13. Cơ chế và giải pháp thực hiện: Thực hiện đúng theo quy định pháp luật về đầu tư công, xây dựng, môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

14. Các nội dung khác: Theo hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và được cụ thể hóa trong bước lập dự án đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc triển khai thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT**Chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng khung Khu đô thị
Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHOÁ VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM***Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;**Căn cứ Luật đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;**Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đầu tư công;**Xét Tờ trình số 87/TTr-UBND ngày 13 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng khung Khu đô thị Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.***QUYẾT NGHỊ:****Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Hạ tầng khung Khu đô thị Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên, với những nội dung sau:**1. Tên dự án:** Hạ tầng khung Khu đô thị Bắc Trần Phú - Nguyễn Hữu Thọ, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên.**2. Chủ đầu tư:** Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh.**3. Dự án nhóm:** Nhóm B.**4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án:** Hội đồng nhân dân tỉnh.**5. Cấp quyết định đầu tư dự án:** Ủy ban nhân dân tỉnh.**6. Mục tiêu đầu tư:** Hoàn thiện cơ sở hạ tầng khung Khu đô thị phía Bắc đường Trần Phú dọc hai bên rạch Bàu Hạ theo quy hoạch được phê duyệt, kết nối đồng bộ giao thông trong đô thị với các dự án khác, tạo quỹ đất sạch để lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo quy hoạch xây dựng được duyệt, góp phần thực hiện mục tiêu thành phố Tuy Hòa đạt tiêu chí đô thị loại I vào năm 2025.**7. Địa điểm thực hiện dự án:** Tại các phường 5, 8, 9 thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.**8. Phạm vi, quy mô đầu tư**

a) Phạm vi đầu tư: Khu đất có diện tích khoảng 60ha thuộc Đồ án điều chỉnh quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2.000 phía Bắc đường Trần Phú dọc hai bên rạch Bàu

Hạ đã được Ủy ban nhân dân thành phố Tuy Hòa phê duyệt (tại Quyết định 2368/QĐ-UBND ngày 30/6/2021) có các giới cận như sau:

- + Phía Đông: Giáp đường Nguyễn Trãi.
- + Phía Nam: Giáp đường Trần Phú.
- + Phía Tây: Đường Lê Thành Phương (nối dài).
- + Phía Bắc: Đường Nguyễn Hữu Thọ.

b) Quy mô đầu tư: Đầu tư phần hạ tầng khung trong phạm vi khu đất nêu trên với nội dung đầu tư như sau:

- Tuyến đường giao thông: Đầu tư các tuyến đường (bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật kèm theo, như: Cấp, thoát nước, thu gom nước thải, cấp điện, chiếu sáng, cây xanh,...), gồm:

- + Đường Lê Thành Phương nối dài: Dài khoảng 1.800m, rộng 25m;
- + Đường Hoàng Văn Thụ nối dài: Dài khoảng 550m, rộng 30m;
- + Đường Nguyễn Hữu Thọ (đoạn từ đường Nguyễn Trãi nối dài đến đường Lê Thành Phương nối dài): Dài khoảng 300m, rộng 40m.

- San nền: San nền một số khu vực trong phạm vi khu đất của dự án, với tổng diện tích khoảng 20ha, khối lượng đất đắp khoảng 01 triệu m³ (bao gồm đắp nền đường) được khai thác tại điểm mỏ đất san lấp phù hợp có trong Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

9. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 943.242 triệu đồng.

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh (nguồn huy động từ quỹ đất).

11. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới.

12. Thời gian thực hiện dự án

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2022;
- Thực hiện đầu tư: Năm 2023 - 2026.

13. Cơ chế và giải pháp thực hiện: Thực hiện đúng theo quy định pháp luật về đầu tư công, xây dựng, môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

14. Các nội dung khác: Theo hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và được cụ thể hóa trong bước lập dự án đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

Lưu ý: Dự án đủ điều kiện triển khai khi đảm bảo về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khoá VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH
Cao Thị Hòa An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 29/NQ-HĐND

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Chủ trương đầu tư dự án Xây dựng doanh trại, kho, bến bãi
khu vực neo đậu tàu cho Hải đội dân quân thường trực
thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ TÁM**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư công;
Xét Tờ trình số 88/TTr-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc quyết định chủ trương đầu tư dự án Xây dựng doanh trại, kho, bến
bãi khu vực neo đậu tàu cho Hải đội dân quân thường trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân
sự tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng doanh trại, kho, bến bãi khu vực neo đậu tàu cho Hải đội dân quân thường trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên với những nội dung sau:

1. Tên dự án: Xây dựng doanh trại, kho, bến bãi khu vực neo đậu tàu cho Hải đội dân quân thường trực thuộc Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Phú Yên.

2. Chủ đầu tư: Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên

3. Dự án nhóm: Nhóm B.

4. Cấp quyết định chủ trương đầu tư dự án: Hội đồng nhân dân tỉnh.

5. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.

6. Mục tiêu đầu tư: Đầu tư dự án Xây dựng doanh trại, kho, bến bãi khu vực neo đậu tàu cho Hải đội dân quân thường trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Phú Yên góp phần xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân gắn với thế trận an ninh nhân dân trên biển; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ xung đột vũ trang, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định trên các vùng biển, đảo.

7. Địa điểm thực hiện dự án: Khu phố Phú Lạc, phường Hòa Hiệp Nam, thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

8. Phạm vi, quy mô đầu tư

a) Hạng mục doanh trại

- Nhà làm việc Ban Chỉ huy (02 tầng);
- Nhà cán bộ chiến sỹ (02 tầng, 02 khối);
- Nhà ăn + bếp (01 tầng);
- Nhà trực ban + tiếp dân (01 tầng);
- Nhà kho vũ khí (01 tầng);
- Nhà kho lạnh + kho vật chất (01 tầng).

b) Hạng mục hạ tầng kỹ thuật, công trình phụ trợ được thiết kế đồng bộ theo công trình và theo tiêu chuẩn hiện hành; bảo đảm an toàn, thuận lợi cho các loại xe quân sự cơ động ra vào doanh trại và khu neo đậu tàu.

c) Thiết bị: Bảo đảm đủ nhu cầu sử dụng theo biên chế quân số và đặc thù nhiệm vụ của Hải đội dân quân thường trực theo quy định của Bộ Tổng tham mưu (tại Nghị định số 76/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ và Quyết định số 39/QĐ-TM ngày 21/01/2020 của Bộ Tổng tham mưu).

** Chi tiết các nội dung, chủ đầu tư làm rõ ở bước lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án.*

9. Dự kiến tổng mức đầu tư dự án: 116.875 triệu đồng.

10. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh (nguồn huy động từ quỹ đất).

11. Hình thức đầu tư của dự án: Xây dựng mới.

12. Thời gian thực hiện dự án

- Chuẩn bị đầu tư: Năm 2022.
- Thực hiện đầu tư: Năm 2023 - 2026.

13. Cơ chế và giải pháp thực hiện: Thực hiện đúng theo quy định pháp luật về đầu tư công, xây dựng, môi trường và các quy định pháp luật có liên quan.

14. Các nội dung khác: Theo hồ sơ báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án và được cụ thể hóa trong bước lập dự án đầu tư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết này.

Lưu ý: Dự án đủ điều kiện triển khai khi đảm bảo về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định giám sát việc thực hiện nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên Khóa VIII, Kỳ họp thứ Tám thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

CHỦ TỊCH

Cao Thị Hòa An

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 854/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH**Về việc phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp
của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Phú Yên trực thuộc Sở Nội vụ****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 485/QĐ-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Phú Yên trực thuộc Sở Nội vụ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 222/TTr-SNV ngày 05/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Phú Yên trực thuộc Sở Nội vụ (tại Đề án số 49/ĐA-TTLTSL ngày 08/4/2022 của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh) với một số nội dung chính như sau:

1. Tổng số vị trí việc làm của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Phú Yên là 15 vị trí, trong đó: Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 04 vị trí; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: 06 vị trí; vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: 03 vị trí; vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 02 vị trí.

Danh mục vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Phú Yên cụ thể tại phụ lục chi tiết đính kèm.

2. Số lượng người làm việc của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Phú Yên được UBND tỉnh giao hàng năm; số lượng hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ thực hiện theo đúng số lượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Căn cứ vị trí việc làm và cơ cấu chức danh nghề nghiệp của Trung tâm Lưu trữ lịch sử tỉnh Phú Yên được phê duyệt tại Quyết định này và các quy định của Đảng, Nhà nước, Sở Nội vụ thực hiện việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng, quản lý viên chức của đơn vị theo đúng quy định về quản lý, sử dụng viên chức.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1228/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 và Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 28/6/2021 của UBND tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHỤ LỤC DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP
CỦA TRUNG TÂM LƯU TRỮ LỊCH SỬ TỈNH PHÚ YÊN TRỰC THUỘC SỞ NỘI VỤ**
(Kèm theo Quyết định số 854/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND tỉnh)

TT	Vị trí việc làm	Số lượng vị trí việc làm	Hạng chức danh nghề nghiệp tối thiểu
	Tổng cộng	15	
I	Vị trí việc làm thuộc nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành	04	
1	Giám đốc Trung tâm	01	Hạng III
2	Phó Giám đốc Trung tâm	01	Hạng III
3	Trưởng Phòng	01	Hạng III
4	Phó Trưởng Phòng	01	Hạng III
II	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	06	
1	Lưu trữ viên hạng III - Thu thập tài liệu	01	Hạng III
2	Lưu trữ viên hạng IV - Chính lý tài liệu	01	Hạng IV
3	Lưu trữ viên hạng IV - Thống kê, bảo quản, tu bổ, phục chế tài liệu lưu trữ	01	Hạng IV
4	Lưu trữ viên hạng III - Suru tầm tài liệu, tổ chức phát huy giá trị tài liệu	01	Hạng III
5	Lưu trữ viên hạng III - Tổ chức khai thác, sử dụng tài liệu	01	Hạng III
6	Kỹ sư công nghệ thông tin - Quản trị mạng, hạ tầng công nghệ thông tin, Trang thông tin điện tử	01	Hạng III
III	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	03	
1	Chuyên viên Hành chính - Tổng hợp, nhân sự	01	Hạng III
2	Văn thư, lưu trữ kiêm thủ quỹ	01	Hạng IV
3	Kế toán	01	Hạng IV
IV	Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ (Hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và Nghị định số 161/2018/NĐ-CP)	02	
1	Phục vụ, tạp vụ	01	Nhân viên
2	Bảo vệ	01	Nhân viên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1028/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 29 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động
của Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Phú Yên****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích;

Căn cứ Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị quyết 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 – 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 28/01/2022 của UBND tỉnh về thực hiện cải cách hành chính nhà nước tỉnh Phú Yên giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình hành động số 12-CTr/TU ngày 10/9/2021 của Tỉnh ủy về nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển trong bối cảnh hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Kế hoạch số 230/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh về triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Phú Yên;

Theo đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 265/TTr-SNV ngày 31/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Đề án đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh Phú Yên (sau đây gọi tắt là Đề án) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

UBND tỉnh chủ động đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh theo yêu cầu tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ; bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp tình hình thực tế công tác cải cách hành chính của tỉnh Phú Yên và quán triệt, thực hiện các nguyên tắc sau:

1. Lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm để phục vụ; sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan có thẩm quyền trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đáp ứng mục tiêu, yêu cầu cải cách hành chính, nhất là việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin.

2. Không làm phát sinh chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân ngoài quy định của pháp luật.

3. Việc giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân gắn liền với đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích.

II. MỤC TIÊU

1. Đổi mới tổ chức, phạm vi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại, nâng cao chất lượng phục vụ, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. Năng suất tiếp nhận hồ sơ trung bình của 01 (một) nhân sự trực tại Bộ phận Một cửa trong một năm đạt mức tối thiểu theo quy định là: ở thành, thị 1.600 hồ sơ; nông thôn: 1.200 hồ sơ; ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn: 800 hồ sơ (*trừ trường hợp tổng số hồ sơ tiếp nhận trong năm/1 Bộ phận Một cửa ít hơn chỉ tiêu quy định này*).

2. Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong thực hiện thủ tục hành chính để tăng cường tính công khai, minh bạch và để người dân, doanh nghiệp có thể thực hiện dịch vụ mọi lúc, mọi nơi, trên các phương tiện khác nhau.

3. Hoàn thành các mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính của tỉnh Phú Yên đến năm 2025: mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính của các cơ quan nhà nước tỉnh Phú Yên đạt trên 90% (*trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt trên 85%*); 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó, mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý, hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN ĐỔI MỚI

1. Tổ chức lại Bộ phận Một cửa theo nguyên tắc “Mỗi địa bàn hành chính cấp xã chỉ có một Bộ phận Một cửa nhưng không làm thay đổi, ảnh hưởng đến thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính”.

a) Đối tượng áp dụng

Bộ phận Một cửa cấp huyện trên địa bàn tỉnh; Bộ phận Một cửa các thị trấn và Bộ phận Một cửa các phường có Bộ phận Một cửa thị xã, thành phố đặt trên địa bàn phường đó.

b) Nội dung thực hiện

Không tổ chức Bộ phận Một cửa của thị trấn và các phường có Bộ phận Một cửa thị xã, thành phố đặt trên địa bàn phường, thị trấn đó.

UBND các thị trấn và các phường có Bộ phận Một cửa thị xã, thành phố đặt trên địa bàn phường đó cử cán bộ, công chức đến Bộ phận Một cửa của huyện, thị xã, thành phố để thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của thị trấn, phường mình.

c) Phân công trách nhiệm và phương thức thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp huyện sau khi thực hiện đổi mới tổ chức

Quy trình tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, giải quyết thủ tục hành chính và trả hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thực hiện theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và áp dụng các phương thức sau:

- Về phân công trách nhiệm cho công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa:

+ Công chức, viên chức của các cơ quan cấp huyện được cử đến làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp huyện: tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện và thủ tục hành chính liên thông giải quyết giữa cấp huyện và cấp tỉnh;

+ Công chức phường, thị trấn huyện được cử đến làm việc tại Bộ phận Một cửa cấp huyện: tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và thủ tục hành chính liên thông giữa cấp xã với cấp huyện.

- Về phương thức chuyển hồ sơ về UBND thị trấn, phường giải quyết

Đối với hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận, công chức tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

+ Đối với hồ sơ nộp trực tuyến: Chuyển ngay dữ liệu hồ sơ điện tử được tiếp nhận trực tuyến của tổ chức, cá nhân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết thông qua Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

+ Đối với hồ sơ nộp trực tiếp: cập nhật đầy đủ thông tin của hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, số hóa hồ sơ để chuyển ngay dữ liệu điện tử đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong ngày làm việc thông qua dịch vụ bưu chính hoặc các hình thức khác bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, an toàn hồ sơ tài liệu.

- Về giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính có thời hạn giải quyết trong ngày làm việc

+ Đối với thủ tục hành chính trong danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 theo công bố của UBND tỉnh: Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ người dân, tổ chức thực hiện trực tuyến mức độ 4.

+ Đối với thủ tục hành chính về chứng thực đã được thực hiện chứng thực bản sao điện tử: Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn, giúp đỡ người dân, tổ chức thực hiện và sử dụng chứng thực bản sao điện tử.

+ Đối với các thủ tục hành chính khác thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã có thời hạn giải quyết trong ngày làm việc: nếu lưu lượng hồ sơ phát sinh bình quân hàng ngày từ 10 hồ sơ trở lên thì thực hiện phương thức 04 tại chỗ “tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, trả kết quả”. Trường hợp lưu lượng hồ sơ phát sinh hàng ngày dưới 10 hồ sơ thì thực hiện trả kết quả theo quy định: hồ sơ nhận trước 15 giờ thì trả kết quả chậm nhất đến 17h cùng ngày; hồ sơ nhận sau 15 giờ thì trả kết quả chậm nhất vào buổi sáng của ngày làm việc tiếp theo.

d) Quản lý Bộ phận Một cửa cấp huyện sau khi thực hiện đổi mới tổ chức

Lãnh đạo Văn phòng HĐND và UBND cấp huyện được phân công quản lý Bộ phận Một cửa của huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm quản lý toàn bộ hoạt động của Bộ phận Một cửa.

UBND cấp huyện bố trí, sắp xếp lại các quầy tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa cấp huyện và trang bị máy móc, thiết bị làm việc cho Bộ phận Một cửa đảm bảo yêu cầu công tác theo quy định.

đ) Lộ trình thực hiện

Trong quý III năm 2022: UBND cấp huyện chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị để tổ chức lại Bộ phận Một cửa cấp huyện và Bộ phận Một cửa thị trấn/Bộ phận Một cửa phường có Bộ phận Một cửa cấp huyện đặt trên địa bàn phường đó.

Trong quý IV năm 2022: Bộ phận Một cửa cấp huyện thực hiện đổi mới tổ chức theo nguyên tắc “*Mỗi địa bàn hành chính cấp xã chỉ có một Bộ phận Một cửa nhưng không làm thay đổi, ảnh hưởng đến thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính*”.

2. Mở rộng phạm vi thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cho Bộ phận Một cửa cấp huyện

a) Đối tượng áp dụng

- Các sở, ban, ngành tỉnh
- UBND các huyện, thị xã, thành phố

b) Nội dung thực hiện

Các sở, ban, ngành tỉnh lựa chọn các thủ tục hành chính có thành phần hồ sơ đơn giản và thường xuyên phát sinh hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện.

c) Phương thức thực hiện

Người dân, tổ chức có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh đã được công bố thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành

chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa cấp huyện, có thể đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện để nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Đối với thủ tục hành chính trong danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo công bố của UBND tỉnh: Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ người dân, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến.

Đối với thủ tục hành chính không thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo công bố của UBND tỉnh: Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ cập nhật đầy đủ thông tin của hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, số hóa hồ sơ để chuyển ngay dữ liệu điện tử đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong ngày làm việc thông qua dịch vụ bưu chính.

Cước bưu chính chuyển hồ sơ từ cấp huyện đến sở, ban, ngành tỉnh và trả kết quả giải quyết từ sở, ban, ngành tỉnh về cấp huyện do sở, ban, ngành tỉnh chi trả; trường hợp người dân, tổ chức đăng ký trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì sở, ban, ngành tỉnh trả kết quả đến địa chỉ đăng ký nhận kết quả và người dân, tổ chức chi trả cước bưu chính trả kết quả.

d) Lộ trình thực hiện

Trong quý III năm 2022: các sở, ban, ngành tỉnh có thủ tục hành chính mở rộng phạm vi tiếp nhận đến UBND cấp huyện tổ chức tập huấn, hướng dẫn công chức, viên chức Bộ phận Một cửa cấp huyện tiếp nhận hồ sơ.

Trong quý IV năm 2022: Bộ phận Một cửa cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh (theo danh mục đính kèm).

3. Thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo hướng không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh

a) Đối tượng áp dụng

- UBND các huyện, thị xã, thành phố
- UBND các xã, phường, thị trấn

b) Nội dung thực hiện

- Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện: các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện rà soát, lựa chọn các thủ tục hành chính thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 hoặc các thủ tục đã có cơ sở dữ liệu dùng chung trong tình tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp huyện.

- Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã: các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện rà soát, lựa chọn các thủ tục hành chính thuộc danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 hoặc các thủ tục đã có cơ sở dữ liệu dùng chung trong tình tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp xã.

c) Phương thức thực hiện

Người dân, tổ chức có nhu cầu giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện được công bố thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính cấp huyện, có thể đến bất kỳ Bộ phận Một cửa của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh để nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được công bố thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc địa giới hành chính cấp xã, người dân, tổ chức có thể đến bất kỳ Bộ phận Một cửa của UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh để nộp hồ sơ và nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính.

Đối với thủ tục hành chính trong danh mục dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 theo công bố của UBND tỉnh: Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ người dân, tổ chức thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến.

Đối với thủ tục hành chính đã có cơ sở dữ liệu dùng chung trong tỉnh: Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ cập nhật đầy đủ thông tin của hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, số hóa hồ sơ và sử dụng thông tin trên hệ thống dữ liệu chuyên ngành để xem xét, giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết theo quy định.

Đối với thủ tục hành chính khác: Công chức, viên chức tiếp nhận hồ sơ cập nhật đầy đủ thông tin của hồ sơ lên Cổng Dịch vụ công của tỉnh, số hóa hồ sơ để chuyển ngay dữ liệu điện tử đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết và chuyển hồ sơ giấy đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết trong ngày làm việc thông qua dịch vụ bưu chính. Cước bưu chính chuyển hồ sơ từ cơ quan nhận hồ sơ đến cơ quan giải quyết hồ sơ và trả kết quả giải quyết từ cơ quan giải quyết hồ sơ về cơ quan trả hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ chỉ trả; trường hợp người dân, tổ chức đăng ký trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích thì cơ quan có thẩm quyền giải quyết hồ sơ trả kết quả đến địa chỉ đăng ký nhận kết quả và người dân, tổ chức chỉ trả cước bưu chính trả kết quả.

d) Lộ trình thực hiện

Trong quý III năm 2022: các sở, ban, ngành tỉnh tham mưu UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã và hoàn thiện Cổng Dịch vụ công của tỉnh đảm bảo thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã.

Trong quý IV năm 2022: Bộ phận Một cửa cấp huyện, cấp xã thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã (theo danh mục đính kèm).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN**1. Sở Nội vụ**

Theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Đề án này. Kịp thời báo cáo, đề xuất UBND tỉnh tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện Đề án.

Tham mưu UBND tỉnh kịp thời biểu dương, khen thưởng các cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, địa phương thực hiện tốt các nhiệm vụ của

Đề án; đồng thời, có biện pháp xử lý nghiêm cán bộ, công chức, cơ quan, đơn vị không nghiêm túc thực hiện Đề án, gây khó khăn, chậm trễ cho việc triển khai thực hiện Đề án.

Tham mưu UBND tỉnh tổ chức đánh giá kết quả 01 năm thực hiện 03 nội dung đổi mới của Đề án và đề xuất UBND tỉnh việc mở rộng phạm vi thực hiện đối với các nội dung đổi mới.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát, tham mưu UBND tỉnh công bố: (i) Danh mục thủ tục hành chính Bộ phận Một cửa cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh; (ii) Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp huyện; (iii) Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp xã.

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn cho công chức, viên chức Bộ phận Một cửa các cấp trên địa bàn tỉnh thực hiện tiếp nhận, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính.

3. Sở Tài chính

Hướng dẫn các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã bố trí kinh phí và thanh, quyết toán kinh phí thực hiện các nội dung đổi mới của Đề án.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

Đảm bảo việc kết nối, chia sẻ, khai thác dữ liệu giữa Cổng Dịch vụ công của tỉnh với các hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp huyện, cấp xã và giải quyết hồ sơ trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

5. Các sở, ban, ngành tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã

Xây dựng và thực hiện Kế hoạch của cơ quan, địa phương về triển khai thực hiện Đề án này đảm bảo việc triển khai các nội dung đổi mới theo lộ trình của Đề án; ưu tiên bố trí kinh phí thực hiện các nội dung đổi mới của Đề án.

Các sở, ban, ngành tỉnh thường xuyên rà soát, kịp thời đề xuất UBND tỉnh công bố bổ sung Danh mục thủ tục hành chính Bộ phận Một cửa cấp huyện thực hiện việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành tỉnh; Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp huyện và Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết không phụ thuộc vào địa giới hành chính cấp xã.

Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền về việc thực hiện các nội dung đổi mới của Đề án thuộc phạm vi quản lý, thực hiện của cơ quan, đơn vị, địa phương mình để người dân, tổ chức biết, thực hiện.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc: Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông và Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ

tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thế

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH THỰC HIỆN TIẾP NHẬN
VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH
VÀ BỘ PHẬN MỘT CỬA CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số: 1028/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Phú Yên)

STT		TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I		Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên	
*		Lĩnh vực Lao động, Việc làm	
1	1	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài làm việc tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và bất kỳ Bộ phận Một cửa cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
2	2	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế	
3	3	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế	
4	4	Gia hạn giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế	
5	5	Xác nhận người lao động nước ngoài làm việc tại Khu công nghiệp, Khu kinh tế thuộc diện không cấp giấy phép lao động	
6	6	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	
II		Sở Giao thông vận tải	
*		Lĩnh vực đường bộ	
7	1	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Sở Giao thông vận tải	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và bất kỳ Bộ phận Một cửa cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
8	2	Gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ ủy thác, tỉnh lộ	
9	3	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	
10	4	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	

11	5	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia - Lào - Việt Nam	
12	6	Cấp Giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện	
13	7	Đăng ký khai thác tuyến	
14	8	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	
15	9	Cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	
16	10	Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và bất kỳ Bộ phận Một cửa cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
17	11	Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt	
18	12	Gia hạn Giấy phép liên vận Việt - Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	
19	13	Gia hạn Giấy phép liên vận Campuchia - Việt Nam cho phương tiện Campuchia tại Việt Nam	
20	14	Cấp Giấy phép xe tập lái	
21	15	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	
22	16	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	
23	17	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	
24	18	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	
25	19	Cấp lại giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	
26	20	Cấp Giấy phép liên vận Việt Nam - Campuchia	
27	21	Cấp lại Giấy phép liên vận Việt - Lào cho phương tiện	
*		Lĩnh vực đường thủy nội địa	

28	22	Công bố đóng luồng, tuyến đường thủy nội địa đối với đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và bất kỳ Bộ phận Một cửa cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
III		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
*		Lĩnh vực lâm nghiệp	
29	1	Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ rừng tự nhiên	
*		Lĩnh vực bảo vệ thực vật	
30	2	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật	
31	3	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón	
IV		Sở Xây dựng	
*		Lĩnh vực xây dựng	
32	1	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III	
33	2	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và bất kỳ Bộ phận Một cửa cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
34	3	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	
35	4	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, II	
36	5	Thẩm định báo cáo kinh tế - kỹ thuật/báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước)	
37	6	Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh	
38	7	Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/ thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh	
39	8	Cấp giấy phép xây dựng (Giấy phép xây dựng mới, giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình) đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo, công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng, công trình trên các tuyến trục đường phố chính trong đô thị, công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
40	9	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III	
41	10	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III	

42	11	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP)	
43	12	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)	
*		Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật	
44	13	Thỏa thuận vị trí, hướng tuyến công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung	
*		Lĩnh vực Giám định tư pháp	
45	14	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Xây dựng	
*		Lĩnh vực đặc thù	
46	15	Thỏa thuận vị trí cột/trạm điện và hành lang lưới điện	
47	16	Cấp GPXD công trình đường dây trung áp và trạm biến áp	
*		Lĩnh vực Phát triển đô thị	
48	17	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và bất kỳ Bộ phận Một cửa cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
49	18	Điều chỉnh đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	
50	19	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình trong khu vực hạn chế phát triển.	
*		Lĩnh vực Nhà ở và công sở	
51	20	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND Tỉnh theo quy định tại Khoản 5 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP	
52	21	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND Tỉnh theo quy định tại Khoản 6 Điều 9 của Nghị định 99/2015/NĐ-CP	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và bất kỳ Bộ phận Một cửa cấp
53	22	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại đối với trường hợp chỉ định chủ đầu tư quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	

54	23	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định đối với dự án khu đô thị mới, dự án phát triển nhà ở	huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
55	24	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	
*		Lĩnh vực Quy hoạch	
56	25	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	
57	26	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	
58	27	Thẩm định Đồ án Quy hoạch chung xây dựng	
59	28	Thẩm định Nhiệm vụ Quy hoạch chung xây dựng	
60	29	Cung cấp thông tin về quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và bất kỳ Bộ phận Một cửa cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
61	30	Thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	
62	32	Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)	
*		Lĩnh vực Vật liệu xây dựng	
63	32	Tiếp nhận bản công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	
V		Sở Giáo dục và Đào tạo	
64	1	Thủ tục cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	
VI		Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
*		Lĩnh vực Văn hóa	
65	1	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo	
Tổng số TTHC dự kiến thực hiện Phi địa giới hành chính: 65/1481 thủ tục			

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
UBND CẤP HUYỆN THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ KHÔNG PHỤ
THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN**

(Kèm theo Quyết định số 1028/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Phú Yên)

STT		TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I		Lĩnh vực Hộ tịch	
1	1	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ Bộ phận Một cửa thuộc cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên
2	2	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	
3	3	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	
4	4	Ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
5	5	Ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	
6	6	Đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	
7	7	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
8	8	Đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	
9	9	Đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	
10	10	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	
II		Lĩnh vực Chứng thực	
11	1	Cấp bản sao từ sổ gốc	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ Bộ phận Một cửa thuộc cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên
12	2	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
13	3	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	
14	4	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
15	5	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
16	6	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
17	7	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
III		Lĩnh vực Thành Lập và Hoạt Động HKD	
18	1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ Bộ phận Một cửa thuộc cấp huyện trên địa
19	2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	
20	3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	
21	4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	
22	5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	

			bàn tỉnh Phú Yên
IV		Lĩnh vực Lưu thông hàng hóa trong nước và XNK	
23	1	Cấp giấy phép bán lẻ rượu	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ Bộ phận Một cửa thuộc cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên
24	2	Cấp giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
25	3	Cấp lại giấy phép bán lẻ rượu	
26	4	Cấp lại giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
27	5	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bán lẻ rượu	
28	6	Cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	
V		Lĩnh vực Giáo dục & Đào tạo	
29	1	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc	
Tổng số TTHC dự kiến thực hiện Phi địa giới hành chính: 29/248 thủ tục			

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA UBND CẤP XÃ THỰC HIỆN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ
KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**
(Kèm theo Quyết định số: 1028/QĐ-UBND ngày 29/8/2022 của UBND tỉnh Phú Yên)

STT		TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	GHI CHÚ
I		Lĩnh vực Hộ tịch	
1	1	Đăng ký khai sinh	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ Bộ phận Một cửa thuộc cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên
2	2	Đăng ký kết hôn	
3	3	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	
4	4	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	
5	5	Đăng ký khai tử	
6	6	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	
7	7	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	
8	8	Đăng ký lại khai sinh, khai tử	
9	9	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	
10	10	Đăng ký lại kết hôn	
11	11	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	
12	12	Liên thông các thủ tục đăng ký khai sinh, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 06 tuổi	
II		Lĩnh vực Bảo trợ xã hội	
13	1	Xác định, lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ Bộ phận Một cửa thuộc cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên
14	2	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	
III		Lĩnh vực Người có công	
15	1	Thủ tục ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi	
IV		Lĩnh vực Chứng thực	
16	1	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	
17	2	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	
18	3	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	
19	4	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	
20	5	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	
21	6	Chứng thực di chúc	
22	7	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	
23	8	Chứng thực bản sao từ bản chính điện tử	
V		Lĩnh vực Nuôi con nuôi	
24	1	Đăng ký nuôi con nuôi trong nước	
25	2	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Người dân, tổ chức có thể nộp hồ sơ tại bất kỳ Bộ phận Một cửa thuộc
VI		Lĩnh vực trẻ em	
26	1	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	

			cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên
<i>Tổng số TTHC dự kiến thực hiện Phi địa giới hành chính: 26/131 thủ tục</i>			

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 811/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 08 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 58/TTr-SKHCN ngày 01/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 07 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 2: Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm:

- Cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính quốc gia theo đúng quy định.
- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Đào Mỹ**

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC NĂNG LƯỢNG NGUYÊN TỬ, AN TOÀN BỨC XẠ HẠT NHÂN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 811/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC	Ghi chú
Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ						
1	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên (http://dichvucong.phuyen.gov.vn)	Không	Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
2	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và lệ phí, lệ	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên (http://dichvucong.phuyen.gov.vn)	- Phí thẩm định cấp giấy phép: + Sử dụng thiết bị X-quang chụp răng: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X-quang chụp	Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12/4/2022 của Bộ trưởng Bộ

	thiết bị X- quan g chẩn đoán trong y tế	phí.		vú: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X- quang di động: 2.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X- quang chẩn đoán thông thường: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị đo mật độ xương: 3.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X- quang tăng sáng truyền hình: 5.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng thiết bị X- quang chụp cắt lớp vi tính (CT Scanner): 8.000.000 đồng/1 thiết bị. + Sử dụng hệ thiết bị PET/CT: 16.000.000 đồng/1 thiết bị. - Lệ phí cấp giấy phép:	ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	Khoa học và Công nghệ
--	--	------	--	---	---	-----------------------------

				Không.		
3	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quan g chẩn đoán trong y tế	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ và phí, lệ phí.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên (http://dichvucong.phuyen.gov.vn)	- Phí thẩm định cấp giấy phép: 75% phí thẩm định cấp giấy phép mới. - Lệ phí cấp giấy phép: Không.	Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ
4	Thủ tục sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quan g chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không		

5	Thủ tục bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quan g chẩn đoán trong y tế	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không		
6	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quan g chẩn đoán trong y tế	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên. (206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên) - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên (http://dichvucong.phuyen.gov.vn)	Không	Thông tư số 02/2022/TT-BKHCN ngày 25/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 142/2020/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về việc tiến hành công việc bức xạ và hoạt động dịch vụ hỗ	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 546/QĐ-BKHCN ngày 12/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

7	Thủ tục cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.		200.000 đồng/chứng chỉ	trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.	
---	---	--	--	------------------------	------------------------------------	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 816 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 12 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1401/QĐ-BTP ngày 21 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 33/TTr-STP ngày 07/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 14 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp.

Điều 2: Sở Tư pháp có trách nhiệm:

- Cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính quốc gia theo đúng quy định.
- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niềm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC LUẬT SƯ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TƯ PHÁP
(Ban hành kèm theo Quyết định số 816 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	50.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1401/QĐ-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

02	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.			50.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư.	
03	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	50.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1401/QĐ-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
04	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty luật hợp danh, trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông		50.000 đồng/hồ sơ		

		báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.				
05	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	50.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1401/QĐ-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
06	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hành nghề luật sư.		Không	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số

					20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.	1401/QĐ-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
07	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	2.000.000 đồng/hồ sơ	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Luật sư số 20/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012. - Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.	
08	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động bằng cách cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	- Công dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	1.000.000 đồng/hồ sơ	- Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1401/QĐ-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

					một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.	
09	Hợp nhất công ty luật	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	Không	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1401/QĐ-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
10	Sáp nhập công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không		
11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật.	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi		Không		
12	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		50.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1401/QĐ-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

					và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp.	
13	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	600.000 đồng/hồ sơ	- Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư. - Thông tư số 220/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong lĩnh vực hoạt động luật sư.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1401/QĐ-BTP ngày 21/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
14	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Phú Yên tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn	2.000.000 đồng/hồ sơ		

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG
LĨNH VỰC LUẬT SƯ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH PHÚ YÊN**

*(Kèm theo Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 12/7/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

1. Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

2. Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại	½ ngày làm việc

	chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

3. Thay đổi người đại diện theo pháp luật Văn phòng luật sư, Công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo	01 ngày làm việc

	trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	dục pháp luật	
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết:			05 ngày làm việc

4. Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	01 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	

Tổng thời gian giải quyết:	05 ngày làm việc
-----------------------------------	------------------

5. Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết:			07 ngày làm việc

6. Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc

	sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.		
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết:			07 ngày làm việc

7. Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày

			làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

8. Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

- Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	01 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết:			05 ngày làm việc

9. Hợp nhất công ty luật

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

10. Sáp nhập công ty luật

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc

Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

11. Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc

Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết:			07 ngày làm việc

12. Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết:			07 ngày làm việc

13. Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam

- Thời hạn giải quyết: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết; - Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	Chuyên viên Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	03 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	01 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	
Tổng thời gian giải quyết:			07 ngày làm việc

14. Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài

- Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi phiếu hẹn trả cho tổ chức; - Quét (scan) hồ sơ và chuyển hồ sơ trên Cổng dịch vụ công trực tuyến và hồ sơ giấy cho Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật của Sở Tư pháp xử lý hồ sơ.	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Bước 2	- Nhận hồ sơ và giải quyết;	Chuyên viên Phòng Hành	03 ngày làm

	- Xem xét, thẩm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết	chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	việc
Bước 3	Thẩm định, xem xét, xác nhận dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Phòng Hành chính, Bộ trợ tư pháp & Phổ biến, giáo dục pháp luật	02 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở Tư pháp	1,5 ngày làm việc
Bước 5	Làm thủ tục phát hành văn bản, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	- Xác nhận trên Cổng dịch vụ công trực tuyến; - Trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân/tổ chức và thu phí, lệ phí (nếu có)	Công chức của Sở Tư pháp được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 940/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 10 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 1785/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 1744 /TTr-SVHTTDL ngày 02/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 08 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (kèm theo *Danh mục*)

Điều 2: Sở Văn hóa-Thể thao và Du lịch có trách nhiệm:

- Cập nhật, công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh, Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính quốc gia theo đúng quy định.

- Thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể

thao và Du lịch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA,
THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh http://dichvucong.phuyen.gov.vn	3.000.000 đồng/giấy phép	- Luật Du lịch năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1785/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

					Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.	
2	Thủ tục cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh http://dichvucong.phuyen.gov.vn	1.500.000 đồng	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1785/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được
3	Thủ tục			2.000.000 đồng		

	cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị			tháng 10 năm 2021 của Chính phủ - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
4	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	10 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh http://dichvucong.phuynen.gov.vn	200.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 của	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1785/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong
5	Thủ tục cấp thẻ hướng	10 ngày kể từ		650.000 đồng/thẻ		

	dẫn viên du lịch quốc tế	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			Chính phủ - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
6	Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh http://dichvucong.phu yen.gov.vn	650.000 đồng/thẻ	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ - Thông tư số	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1785/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc
7	Thủ tục cấp đổi thẻ hướng	10 ngày kể từ		650.000 đồng/thẻ		

	dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	ngày nhận được hồ sơ hợp lệ			06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
8	Thủ tục cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp qua Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh http://dichvucong.phuynh.gov.vn	- 650.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa - 200.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại	- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. - Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ - Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 1785/QĐ-BVHTTDL ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng

				điểm	ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. - Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch - Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính	quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch
--	--	--	--	------	--	---

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 944/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1291/QĐ-TTg ngày 07/10/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan trung ương được tổ chức theo ngành dọc đóng tại địa phương đưa ra tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

(Nội dung chi tiết tại Phụ lục kèm theo)

Điều 2: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục Thuế tỉnh:

a) Cử cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm tiêu chuẩn, trình độ theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ và khoản 3 Điều 6 Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ để thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa các cấp.

b) Cung cấp nội dung cụ thể các thủ tục hành chính trong Danh mục nêu tại Điều 1 cho Bộ phận Một cửa các cấp; xây dựng, phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết của từng thủ tục hành chính gửi Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Thông

tin và Truyền thông để phối hợp thiết lập quy trình điện tử trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh (đối với các đơn vị sử dụng chung phần mềm Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh).

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Công an tỉnh, Chỉ huy trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Cục trưởng Cục Thuế, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị chức năng bảo đảm cơ sở vật chất và điều kiện làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan ngành dọc được cử ra làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp; tổ chức thực hiện có hiệu quả việc giải quyết thủ tục hành chính; kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện./.

KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Tấn Hồ

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐƯỢC TỔ CHỨC THEO NGÀNH DỌC ĐÓNG TẠI ĐỊA PHƯƠNG ĐƯA RA TIẾP NHẬN TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH, BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

Số TT	TÊN/NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	CẤP THỰC HIỆN		
		Tỉnh	Huyện	Xã
	CÔNG AN TỈNH			
	Lĩnh vực Cấp, quản lý căn cước công dân			
1	Cấp thẻ Căn cước công dân khi đã có thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	x	x	
2	Cấp lại thẻ Căn cước công dân	x	x	
3	Đổi thẻ Căn cước công dân	x	x	
	BỘ CHỈ HUY QUÂN SỰ TỈNH			
	Lĩnh vực động viên quân đội			
1	Đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)			x
2	Xóa đăng ký tạm vắng đối với phương tiện kỹ thuật đã sắp xếp trong kế hoạch bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội (<i>chủ phương tiện là cá nhân</i>)			x
	Lĩnh vực Bảo hiểm xã hội			
1	Giải quyết chế độ hưu trí hằng tháng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhập ngũ từ ngày 30/4/1975 trở về trước, có đủ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội đã phục viên, xuất ngũ trước ngày 01/4/2000			x
	Lĩnh vực Dân quân tự vệ			
1	Trợ cấp đối với dân quân bị ốm hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị ốm dẫn đến chết			x
2	Trợ cấp đối với dân quân bị tai nạn hoặc đối với thân nhân khi dân quân bị tai nạn dẫn đến chết.			x
	Lĩnh vực Nghĩa vụ quân sự			
1	Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu			x
2	Đăng ký phục vụ trong ngạch dự bị			x
3	Đăng ký nghĩa vụ quân sự bổ sung			x
4	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyển đi khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc,			x

	học tập			
5	Đăng ký nghĩa vụ quân sự chuyên đến khi thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc, học tập			x
6	Đăng ký nghĩa vụ quân sự tạm vắng			x
7	Đăng ký miễn gọi nhập ngũ thời chiến			x
	Lĩnh vực chính sách			
1	Thủ tục giải quyết chế độ hưu trí đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc			x
2	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp 1 lần đối với quân nhân, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân, công an nhân dân nhập ngũ sau ngày 30/4/1975, trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, có đủ từ 20 năm trở lên phục vụ trong quân đội, cơ yếu đã phục viên xuất ngũ, thôi việc (<i>đối tượng từ trần</i>).			x
	BẢO HIỂM XÃ HỘI TỈNH			
	Lĩnh vực thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp			
1	Đăng ký, điều chỉnh đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; cấp sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế	x	x	
2	Đăng ký đóng, cấp thẻ bảo hiểm y tế đối với người chỉ tham gia bảo hiểm y tế	x	x	
3	Đăng ký, đăng ký lại, điều chỉnh đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện; cấp sổ bảo hiểm xã hội	x	x	
	Lĩnh vực thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội			
1	Giải quyết hưởng chế độ thai sản (Thực hiện đối với trường hợp người lao động thôi việc trước thời điểm sinh con, nhận con, nhận nuôi con nuôi)	x	x	
2	Giải quyết di chuyển đối với người đang hưởng lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng và người chờ hưởng lương hưu, trợ cấp hàng tháng từ tỉnh này đến tỉnh khác	x	x	
3	Giải quyết hưởng tiếp lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng đối với	x	x	

	người chấp hành xong hình phạt tù, người xuất cảnh trái phép trở về nước định cư hợp pháp, người được Tòa án hủy quyết định tuyên bố mất tích			
4	Giải quyết hưởng trợ cấp hàng tháng theo Quyết định số Quyết định số 613/QĐ-TTg	x	x	
5	Giải quyết hưởng trợ cấp đối với nhà giáo đã nghỉ hưu chưa được hưởng chế độ phụ cấp thâm niên trong lương hưu theo Quyết định số 52/2013/QĐ-TTg	x	x	
	Lĩnh vực Cấp sổ, thẻ			
1	Cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế (<i>Thực hiện đối với trường hợp cấp lại sổ bảo hiểm xã hội do mất, hỏng; cấp lại, đổi thẻ bảo hiểm y tế</i>)	x	x	
	CỤC THUẾ			
	Lĩnh vực thuế			
1	Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế đối với người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, tổ chức khác thay đổi thông tin về địa chỉ trụ sở dẫn đến làm thay đổi cơ quan thuế quản lý (<i>Cơ quan thuế nơi người nộp thuế chuyển đi</i>)	x		
2	Đăng ký thuế đối với trường hợp tổ chức lại hoạt động của tổ chức kinh tế (<i>Trường hợp chia tổ chức kinh tế đối với tổ chức kinh tế bị chia/ bị sáp nhập/bị hợp nhất</i>)	x		
3	Miễn, giảm thu tiền sử dụng đất	x		
4	Miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước	x		
5	Miễn thuế Thu nhập cá nhân đối với Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA	x		
6	Miễn, giảm thuế tài nguyên đối với tổ chức, cá nhân khai thác tài nguyên theo quy định tại Điều 9 Luật Thuế tài nguyên	x		
7	Miễn hoặc giảm thuế tiêu thụ đặc biệt, tiền thuê đất, thuê mặt nước, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp cho người nộp thuế gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ theo quy định của pháp luật không có khả năng nộp thuế	x		
8	Miễn, giảm tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	x		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 997/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 5/4/2022
của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông
và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05/04/2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022-2025;

Theo đề nghị của Ban An toàn giao thông tỉnh tại Văn bản số 35/BATGT ngày 13/6/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05/04/2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh , Ban An toàn giao thông tỉnh , Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan , đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Trần Hữu Thế

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**
Số: 997/KH-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Phú Yên, ngày 20 tháng 8 năm 2022

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 5/4/2022 của Chính phủ
về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc
giao thông giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Phú Yên**
*(Kèm theo Quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 20/8/2022
của Chủ tịch UBND tỉnh)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tăng cường sự lãnh đạo , chỉ đạo thường xuyên của các cấp ủy đảng , chính quyền, các ngành, Mặt trận tổ quốc , các tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến địa phương đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

2. Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trong hoạt động bảo đảm trật tự an toàn giao thông; nâng cao nhận thức và ý thức tự giác chấp hành pháp luật của người tham gia giao thông, xây dựng văn hóa giao thông an toàn trong mọi tầng lớp Nhân dân.

3. Triển khai cụ thể từng nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết đến xã , phường, thị trấn , tổ dân cư ,... phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương , không phô trương hình thức và triệt để tiết kiệm.

4. Phổ biến, quán triệt nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông đến từng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và mọi tầng lớp Nhân dân ; gắn trách nhiệm của cá nhân người đứng đầu của các cơ quan, đơn vị thực thi công vụ với kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

5. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều khiển giao thông; giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm về trật tự an toàn giao thông , điều hành vận tải.

II. MỤC TIÊU

Hàng năm, phấn đấu giảm tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh tối thiểu từ 5% đến 10% trên cả 3 tiêu chí về số vụ, số người chết, số người bị thương; hướng tới năm 2030 giảm ít nhất 50% số người bị chết và bị thương do tai nạn giao thông đường bộ so với năm 2020.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Tiếp tục triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, thường xuyên các giải pháp bảo đảm trật tự an toàn giao thông tại Công văn số 156-CV/TU ngày 6/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên ; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/2/2019 của Ban Bí

thư Trung ương Đảng khóa XII về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả *Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự* an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa trên địa bàn tỉnh; các Nghị quyết, Chỉ thị, Công điện chỉ đạo của Chính phủ, Ủy ban an toàn giao thông Quốc gia và các văn bản triển khai thực hiện của địa phương trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh.

2. Thực hiện nghiêm chính sách pháp luật và các quy định liên quan đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông. Lồng ghép mục tiêu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vào các *quy hoạch cấp tỉnh, cấp huyện, các dự án đầu tư tạo ra nhu cầu giao thông, vận tải lớn*. Quản lý chặt chẽ quá trình thực hiện quy hoạch, bảo đảm việc xây dựng mới hoặc chỉnh trang các khu công nghiệp, đô thị, các trung tâm thương mại, trường học, bệnh viện... phù hợp với năng lực kết cấu hạ tầng giao thông và vận tải công cộng trên địa bàn tỉnh.

3. Bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm trên địa bàn; tổ chức giao thông khoa học, hợp lý; bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông gắn với rà soát, xử lý dứt điểm các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông; xoá bỏ lối đi tự mở trái phép qua đường sắt; đường cao tốc Bắc Nam, ngăn ngừa, xử lý hoạt động lấn chiếm tuyến luồng hàng hải, đường thủy nội địa; bảo vệ an toàn tĩnh không đường tiếp cận và khu bay cảng hàng không trên địa bàn tỉnh.

4. Nâng cao chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện giao thông vận tải.

5. Nâng cao thị phần vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không, giảm dần phụ thuộc vào đường bộ; đẩy nhanh tiến độ đầu tư, phát triển hệ thống vận tải công cộng và liên tỉnh gắn với hạn chế sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân trên địa bàn tỉnh.

6. Kiên trì xây dựng văn hoá giao thông an toàn đối với tổ chức, cá nhân xây dựng, thực thi pháp luật, cung ứng hạ tầng, phương tiện, dịch vụ vận tải và tham gia giao thông. Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo hướng lấy thay đổi hành vi làm tiêu chí đánh giá kết quả; đẩy mạnh tuyên truyền trên mạng xã hội và hạ tầng số; vận động, hướng dẫn việc lồng ghép mục tiêu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vào chương trình, kế hoạch và hoạt động của cơ quan, đơn vị, nhà trường, doanh nghiệp.

7. Nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh: đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng và đảm bảo khả năng kết nối, sử dụng chung các cơ sở dữ liệu giữa ngành giao thông vận tải, công an, y tế, bảo hiểm và các cơ quan chức năng có liên quan trong thực thi pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nghiên cứu khoa học về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

8. Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa nạn nhân và khắc phục hậu quả tai nạn giao thông; tập huấn kỹ năng sơ cứu tai nạn giao thông cho nhân viên y tế cơ sở, lực lượng thực thi pháp luật và người tham gia giao thông.

IV. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Ban An toàn giao thông tỉnh

a) Chủ động tham mưu UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh triển khai thực hiện kịp thời các chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ, các Chương trình của Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông.

b) Tiếp tục phối hợp với đơn vị, địa phương triển khai hiệu quả tại Công văn số 156-CV/TU ngày 6/01/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Phú Yên; Kế hoạch số 118/KH-UBND ngày 27/5/2019 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kết luận số 45-KL/TW ngày 01/2/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa XII tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả *Chỉ thị số 18-CT/TW ngày 04/9/2012 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa* trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh, cơ quan truyền thông và các đơn vị có liên quan đổi mới phương thức, nội dung, hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về trật tự an toàn giao thông; phổ biến và triển khai các Nghị định của Chính phủ quy định về **quản lý hoạt động vận tải khách và hàng hóa ở các lĩnh vực đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa**, về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực **giao thông vận tải; phát huy hiệu quả chuyên mục An toàn giao thông của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Đài truyền thanh các huyện, thị xã, thành phố.**

d) **Đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông thông qua các chương trình phối hợp với các doanh nghiệp; vận động hỗ trợ hoạt động thăm, hỏi gia đình nạn nhân có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vì tai nạn giao thông.**

đ) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh và các đơn vị, địa phương tổ chức rà soát, đề xuất khắc phục kịp thời các điểm mất an toàn giao thông; khảo sát đề xuất lắp đặt hệ thống cảnh báo, pa nô, đèn tín hiệu giao thông, hệ thống đèn chiếu sáng, lắp đặt camera giám sát giao thông tại các nút giao phức tạp trên địa bàn tỉnh để phục vụ công tác quản lý trật tự an toàn giao thông.

e) Tiếp tục triển khai thực hiện chương trình phối hợp tuyên truyền, giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường với các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tỉnh, Liên đoàn lao động tỉnh, ... Đánh giá, sơ kết, tổng kết và rút ra kinh nghiệm.

g) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an tỉnh và các sở, ngành liên quan nghiên cứu, đề xuất tiếp tục hoàn thiện mô hình, chức năng, nhiệm vụ và nâng cao năng lực của Ban An toàn giao thông tỉnh và Ban An toàn giao thông các

huyện, thị xã, thành phố cho phù hợp với tình hình mới, theo hướng dẫn của Trung ương.

h) Định kỳ tổ chức các đoàn công tác làm việc với các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh và các ngành có liên quan về công tác bảo đảm trật tự ATGT nhằm kiểm tra việc thực hiện các giải pháp bảo đảm trật tự ATGT, đồng thời đề ra các giải pháp bảo đảm trật tự ATGT, góp phần giảm tai nạn giao thông.

k) Chủ trì đánh giá, đôn đốc các đơn vị, địa phương việc thực hiện Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045.

2. Sở Giao thông vận tải

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án xây dựng “Chiến lược quốc gia về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045”; triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp bảo đảm trật tự ATGT được UBND tỉnh phê duyệt tại Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 17/8/2020 về kế hoạch thực hiện đề án đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Tiếp tục tăng cường phổ biến và triển khai Luật Giao thông đường bộ năm 2008, Luật Giao thông đường thủy nội địa; các Nghị định của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải, về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông vận tải đến các tổ chức và cá nhân hoạt động vận tải.

c) Tập trung triển khai bảo đảm tiến độ, chất lượng và an toàn giao thông các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông theo kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đang triển khai xây dựng; thực hiện nghiêm quy định về thẩm định an toàn giao thông đối với các tuyến đường chuẩn bị đưa vào khai thác, sử dụng.

d) Triển khai kế hoạch bảo trì, sửa chữa và bảo đảm an toàn kết cấu hạ tầng giao thông hàng năm theo quy định; tăng cường phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh, Công an tỉnh và chính quyền địa phương có liên quan rà soát, đề xuất xử lý các điểm đen, điểm tiềm ẩn mất an toàn giao thông trên hệ thống đường do Sở quản lý; kịp thời chỉ đạo khắc phục, sửa chữa hư hỏng bảo đảm an toàn giao thông trong mùa mưa, lũ.

đ) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông; lập kế hoạch thẩm định an toàn giao thông đối với toàn bộ tuyến Quốc lộ được ủy thác và các tuyến Tỉnh lộ đang khai thác, chú trọng các điểm đầu nối; chỉ đạo các đơn vị quản lý hạ tầng giao thông thực hiện bổ sung đầy đủ hệ thống an toàn giao thông.

e) Thường xuyên cập nhật dữ liệu vi phạm về trật tự an toàn giao thông; kiểm soát chặt chẽ các trường hợp báo mất để cấp lại Giấy phép lái xe do vi phạm Luật giao thông đường bộ.

g) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, phát hiện xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông, hành lang an toàn giao thông; phối hợp cùng ngành Công

an, các địa phương thực hiện hiệu quả về quản lý nhà nước gắn với kiểm tra, xử lý tình trạng xe công nông, xe tự chế 3, 4 bánh, xe máy cày kéo rơ moóc lưu thông trên các tuyến giao thông trên địa bàn tỉnh.

h) Tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm vi phạm quy định pháp luật về an toàn giao thông đối với các đơn vị kinh doanh vận tải, trước hết là các đơn vị kinh doanh vận tải bằng ô tô và đường thủy nội địa để xảy ra nhiều vi phạm trật tự an toàn giao thông và xảy ra tai nạn giao thông nghiêm trọng; phối hợp với chính quyền địa phương quản lý đối với các phương tiện thủy nội địa và các bến thủy nội địa; kiên quyết đình chỉ bến, phương tiện chưa đáp ứng đầy đủ quy định về an toàn khi tham gia hoạt động vận tải.

k) Tiếp tục chỉ đạo, triển khai công tác kiểm soát tải trọng xe theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư, áp dụng công nghệ hiện đại đối với thiết bị cân, trạm kiểm tra tải trọng xe, chú trọng các giải pháp ngăn chặn vi phạm từ gốc, từ khâu xếp hàng lên xe; kiểm soát chặt việc thực hiện quy định về kích thước thành, thùng xe.

l) Tăng cường kiểm tra, siết chặt kỷ cương công tác đào tạo, sát hạch cấp giấy phép lái xe; quản lý đăng kiểm phương tiện về an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường thủy nội địa.

n) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình để xử lý chủ xe, lái xe có các hành vi vi phạm về tốc độ, về hành trình, đặc biệt là đối với xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách. Công bố doanh nghiệp có nhiều xe vi phạm trên các phương tiện thông tin đại chúng.

m) Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại camera giám sát quá trình đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép điều khiển phương tiện cơ giới đường bộ, đường thủy nội địa phục vụ tốt nhất nhu cầu của Nhân dân, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính trong việc cấp mới, cấp đổi giấy phép lái xe; tăng cường giáo dục nâng cao trình độ chuyên môn, tinh thần, trách nhiệm và đạo đức của đội ngũ giáo viên, sát hạch viên.

o) Thường xuyên phối hợp với Sở Y tế và các đơn vị liên quan tăng cường công tác khám sức khỏe cho người điều khiển phương tiện giao thông; tổ chức hậu kiểm kết quả khám sức khỏe lái xe kinh doanh vận tải.

p) Chủ động trao đổi, chia sẻ thông tin với Công an tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan nhằm tăng cường công tác phối hợp trong hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn tỉnh; ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ trong quản lý hoạt động vận tải và tổ chức giao thông trên địa bàn, kết nối, tích hợp với hệ thống điều hành chung của bộ, ngành ở Trung ương để triển khai đồng bộ.

3. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành thường xuyên rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động giám sát, tuần tra, kiểm soát, xử lý về trật tự, an toàn giao thông cho phù hợp với tình hình mới và theo hướng dẫn của Bộ Công an.

b) Đẩy mạnh công tác phối hợp tuyên truyền, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông; vận động toàn dân tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đa dạng hóa phương thức tuyên truyền về hoạt động bảo đảm trật tự, an toàn giao thông của lực lượng công an trên mạng xã hội để theo kịp với xu hướng phát triển hiện nay, kịp thời tuyên truyền, định hướng dư luận. Có chương trình phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng, phát triển phong trào quần chúng bảo vệ an ninh, trật tự và trật tự an toàn giao thông với các cuộc vận động, những mô hình phù hợp, thiết thực, có hiệu quả cao; chú trọng các nội dung về xây dựng văn hóa giao thông cho thanh, thiếu niên, người điều khiển mô tô, xe gắn máy, doanh nghiệp và lái xe vận tải khách.

c) Tiếp nhận, quản lý và vận hành hệ thống camera để giám sát, chỉ huy điều hành giao thông, xử lý vi phạm giao thông trên địa bàn tỉnh do Bộ Công an và UBND tỉnh đầu tư.

d) Chủ trì, phối hợp với các Sở: Giao thông vận tải, Y tế xây dựng cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông trên cơ sở tích hợp, thống kê số liệu báo cáo tai nạn giao thông tại hiện trường, số liệu tai nạn, thương tích của cơ sở cấp cứu và điều trị nạn nhân tai nạn giao thông theo hướng dẫn của Bộ Công an.

đ) Triển khai thực hiện công tác tuyên truyền, bảo đảm an toàn cháy nổ đối với cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp quản lý phương tiện giao thông và hoạt động vận tải; sẵn sàng phương án cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra tai nạn giao thông.

e) Tăng cường tuần tra kiểm soát, chú trọng tuần tra lưu động; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cũng như phương án sử dụng thiết bị ghi hình của các tổ chức được giao quản lý, khai thác hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông để phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm quy định về trật tự an toàn giao thông, trong đó ưu tiên xử lý hành vi người điều khiển phương tiện vi phạm nồng độ cồn, vi phạm quy định tốc độ, sử dụng điện thoại di động, không thắt dây an toàn khi ngồi trên ô tô, không đội mũ bảo hiểm khi đi mô tô, xe máy, vi phạm quy định về an toàn, kỹ thuật và tải trọng của xe ô tô chở khách từ 09 chỗ trở lên và xe ô tô tải có trọng tải từ 10 tấn trở lên, phương tiện thủy chở quá tải, không đăng ký, không đăng kiểm, không trang bị hoặc thiếu dụng cụ cứu sinh, ... Tăng cường kiểm tra, xử lý xe công nông, xe tự chế 3,4 bánh, xe máy cày kéo rơ moóc và xe hết niên hạn sử dụng tham gia giao thông trên đường giao thông công cộng theo quy định.

g) Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát kinh tế tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn lậu, sản xuất hàng giả đối với các loại xe máy điện, xe đạp điện, mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe gắn máy.

h) Huy động lực lượng công an xã, phường, thị trấn, lực lượng Cảnh sát khác phối hợp với Cảnh sát giao thông tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát bảo đảm trật tự an toàn giao thông. Tiếp tục phát huy, nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng Cảnh sát trật tự, lực lượng liên quân bảo đảm trật tự công cộng, trật tự đô thị và trật tự an toàn giao thông nhằm làm giảm tai nạn giao thông và phòng ngừa tội phạm.

i) Tổ chức điều tra, xử lý nghiêm các vụ tai nạn giao thông ; các vụ tai nạn giao thông có đủ yếu tố cấu thành tội phạm phải phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tố tụng để kiên quyết xử lý bằng pháp luật hình sự.

k) Thông qua hoạt động tuần tra kiểm soát, xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông, chủ động phát hiện và kiến nghị xử lý các bất hợp lý về tổ chức giao thông; qua công tác phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh , Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan rà soát, đánh giá hiện trạng các tuyến giao thông vận tải để kiến nghị xây dựng phương án tổ chức lại giao thông theo từng tuyến, nhất là các tuyến giao thông phức tạp, kịp thời khắc phục các bất hợp lý về tổ chức giao thông, giải quyết các “điểm đen”, các tuyến giao thông phức tạp, tiềm ẩn nguy cơ gây tai nạn giao thông.

l) Thường xuyên tổ chức tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực cho lực lượng làm nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông , đảm bảo đủ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Thực hiện có hiệu quả cải cách thủ tục hành chính trong việc xử lý vi phạm trật tự an toàn giao thông , đăng ký phương tiện cơ giới đường bộ và giải quyết tai nạn giao thông.

4. Sở Y tế

a) Triển khai thực hiện quy định về tổ chức cấp cứu trước viện, trong đó có cấp cứu tai nạn giao thông; triển khai thực hiện hệ thống thông tin nguyên nhân tử vong do tai nạn giao thông dựa vào mạng lưới cơ sở khám, chữa bệnh; ứng dụng công nghệ thông tin, mã hóa lâm sàng, thu thập số liệu về nguyên nhân tử vong do tai nạn giao thông theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, địa phương rà soát, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nâng cao năng lực các cơ sở y tế hiện có, đảm bảo khả năng cấp cứu tai nạn giao thông theo quy định, đáp ứng trực cấp cứu 24/24h tại các cơ sở khám, chữa bệnh, cơ sở y tế, đảm bảo bán kính phục vụ trung bình khoảng 50km theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

c) Xây dựng kế hoạch nâng cao năng lực sơ cấp cứu tai nạn giao thông cho cán bộ y tế cấp xã, thôn, bản trong giai đoạn 2022 - 2025; phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn trang bị bộ dụng cụ cứu thương trên các phương tiện giao thông; phối hợp với Công an tỉnh triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu về tai nạn giao thông đường bộ theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

d) Phối hợp với các Sở, ban, ngành, địa phương tổ chức tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu cho lực lượng Cảnh sát giao thông, Thanh tra giao thông, nhân viên Hội Chữ thập đỏ, tài xế, tình nguyện viên và người dân trên địa bàn.

đ) Chỉ đạo các cơ sở khám bệnh , chữa bệnh tăng cường thực hiện nghiêm Thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BYT-BCA ngày 23/7/2014 giữa Bộ Y tế và Bộ Công an quy định về xét nghiệm nồng độ cồn trong máu của người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ; Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT/BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 giữa Bộ Y tế và Bộ Giao thông vận tải quy định tiêu chuẩn sức khỏe cho người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về

cơ sở khám sức khỏe cho người lái xe; kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong tổ chức thực hiện.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo, các trường Đại học, Cao đẳng, Dạy nghề trên địa bàn tỉnh

a) Đưa nội dung giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, văn hóa giao thông, kỹ năng tham gia giao thông an toàn vào trong chương trình chính khóa và trong các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh, sinh viên theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tăng cường phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác giáo dục an toàn giao thông cho học sinh.

b) Nghiên cứu, xây dựng chương trình đào tạo các ngành, chuyên ngành, bộ môn khoa học thuộc lĩnh vực bảo đảm an toàn giao thông theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh, Công an tỉnh và các ngành chức năng tổ chức các buổi giao lưu, tuyên truyền trực quan cho học sinh, sinh viên về ATGT với nội dung thiết thực, sinh động, hiệu quả.

d) Tăng cường giáo dục nâng cao kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ về giáo dục ATGT cho giảng viên; tham gia hoạt động tuyên truyền pháp luật ATGT và đào tạo kỹ năng lái xe an toàn cho các em học sinh tại một số trường THPT trên địa bàn tỉnh; vận động học sinh THCS, THPT tham gia cuộc thi “Giao thông học đường” trên internet.

đ) Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Ban An toàn giao thông tỉnh, Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh tổ chức các đoàn kiểm tra, đôn đốc nắm bắt tình hình một số cơ sở giáo dục tại địa bàn phức tạp về giao thông trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật ATGT cho học sinh, sinh viên.

6. Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý triển khai thực hiện các đồ án quy hoạch xây dựng theo phân cấp, bảo đảm các kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng giao thông và an toàn trong quá trình khai thác, vận hành; đảm bảo an toàn giao thông dành cho người khuyết tật tiếp cận và an toàn cho đối tượng tham gia giao thông dễ bị tổn thương theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

b) Hướng dẫn và phối hợp kiểm tra công tác lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông theo phân cấp đảm bảo theo quy hoạch xây dựng được duyệt, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về giao thông; đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn giao thông.

c) Kiến nghị Sở Giao thông vận tải và UBND các huyện, thị xã, thành phố kiểm tra, xử lý vi phạm quy định về trật tự xây dựng trên hành lang an toàn giao thông đường bộ.

d) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về trật tự xây dựng theo thẩm quyền.

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Tiếp tục chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện Quyết định số 1317/QĐ-TTg ngày 28/8/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Tuyên truyền về an toàn giao thông trên các phương tiện thông tin đại chúng và hệ thống thông tin cơ sở.

b) Phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy định hướng nội dung tuyên truyền về an toàn giao thông tại các buổi họp giao ban báo chí hàng tháng; chỉ đạo, hướng dẫn hệ thống truyền thanh cơ sở của tỉnh tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền vận động Nhân dân phòng chống tác hại của rượu, bia, thực hiện “Đã uống rượu bia, không lái xe”, tuân thủ quy định tốc độ, đội mũ bảo hiểm, không sử dụng điện thoại khi lái xe, hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, điều kiện bảo đảm an toàn phương tiện thủy chở khách,...

c) Phối hợp với Công an tỉnh và các ngành có liên quan sử dụng hiệu quả kết quả từ Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh để giám sát, điều hành giao thông, an ninh trật tự đô thị.

8. Đài Phát thanh và Truyền hình Phú Yên, Báo Phú Yên

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền ATGT, tăng thời lượng, đổi mới cách thức, xây dựng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về đảm bảo ATGT.

b) Phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh và các cơ quan chức năng cập nhật kịp thời thông tin về tình hình trật tự ATGT trên địa bàn tỉnh, nêu gương cá nhân, tập thể tiêu biểu trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự ATGT, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về ATGT, duy trì các chuyên mục an toàn giao thông hàng tuần, hàng tháng.

9. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và Bộ đội biên phòng tỉnh

a) Đẩy mạnh tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về trật tự an toàn giao thông để mọi quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng, người lao động trong quân đội gương mẫu, tự giác chấp hành nghiêm quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông.

b) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông, tập trung vào công tác quản lý, sử dụng phương tiện vận tải quân sự; chất lượng đào tạo, sát hạch lái xe; kiểm định an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường xe máy quân sự, phương tiện vận tải đường thủy.

c) Tăng cường hoạt động tuần tra, kiểm soát, duy trì nghiêm việc chấp hành các quy định pháp luật, điều lệnh, điều lệ của Quân đội đối với người điều khiển phương tiện quân sự khi tham gia giao thông, nhất là thực hiện quy định của pháp luật về nồng độ cồn, về tốc độ và quy định về tải trọng khi tham gia giao thông; phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng của địa phương xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông gây hậu quả nghiêm trọng.

d) Tăng cường huấn luyện, diễn tập cứu hộ, cứu nạn các tình huống tai nạn, mất an toàn trên biển, trên các tuyến đường thủy nội địa cho lực lượng hải quân và công binh trong toàn quân.

10. Sở Tài chính

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu giúp UBND tỉnh triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách tài chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

b) Hàng năm đề xuất UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí cho các đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh theo quy định.

11. Sở Tư pháp

a) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông, phát hiện những quy định không phù hợp với quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, kiến nghị cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, điều chỉnh cho phù hợp quy định pháp luật.

b) Phối hợp với Công an tỉnh, Toà án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh tham khảo các kinh nghiệm quản lý xã hội tiên tiến làm cơ sở đề xuất hoàn thiện các quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, phạt nguội, xử phạt qua hệ thống tư pháp đối với hành vi vi phạm trật tự an toàn giao thông.

c) Tổ chức tập huấn và cung cấp tài liệu cho đội ngũ báo cáo viên toàn tỉnh các văn bản pháp luật có liên quan đến trật tự an toàn giao thông.

12. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hoàn thiện và cụ thể hóa các tiêu chí, hành vi văn hóa giao thông bằng hình ảnh sinh động và đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến các tiêu chí, hành vi văn hóa giao thông theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện tuyên truyền, phổ biến các tiêu chí, hành vi văn hóa giao thông bằng các hình thức văn hóa truyền thống.

c) Kiểm tra, giám sát chặt chẽ loại bỏ những thông tin kích động hành vi vi phạm quy định pháp luật về trật tự an toàn giao thông trước khi cho lưu hành các tác phẩm văn hoá, nghệ thuật; giám sát chặt chẽ việc gắn quảng cáo rượu, bia với cảnh báo tác hại, nguy cơ xảy ra tai nạn nếu điều khiển phương tiện khi sử dụng rượu, bia.

d) Tổ chức tập huấn, cung cấp tài liệu (tài liệu, bài viết, hình ảnh) về an toàn giao thông cho cán bộ làm công tác tuyên truyền lưu động ở các huyện, thị xã, thành phố. Phát huy hiệu quả công tác tuyên truyền lưu động, sân khấu hóa và các hình ảnh về an toàn giao thông. Phát động, tổ chức Hội thi thông tin lưu động tuyên truyền về an toàn giao thông.

13. Đề nghị Cục Quản lý thị trường

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát ngăn chặn việc sản xuất và lưu thông các sản phẩm, phụ tùng, linh kiện của phương tiện giao thông, mũ bảo hiểm cho người đi mô tô xe máy không đạt tiêu chuẩn chất lượng trên thị trường.

14. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong công tác quản lý nhà nước về quy hoạch, bảo đảm các mục tiêu về an toàn giao thông trong các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan đến lĩnh vực giao thông vận tải theo quy định của Luật Quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan theo hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Nghiên cứu lồng ghép các mục tiêu về đảm bảo trật tự an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông và giảm ô nhiễm môi trường từ hoạt động giao thông vận tải và dự báo nhu cầu giao thông vào các mục tiêu của quy hoạch tỉnh.

c) Tham mưu UBND tỉnh phân bổ vốn cho các dự án đầu tư phát triển giao thông vận tải thực hiện mục tiêu giảm tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường.

15. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh

Phối hợp chặt chẽ với cơ quan điều tra các cấp đẩy nhanh tiến độ khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các vụ án vi phạm pháp luật về an toàn giao thông; phối hợp đưa ra xét xử lưu động các vụ án điểm, dư luận xã hội quan tâm nhằm phổ biến, tuyên truyền pháp luật về trật tự an toàn giao thông, răn đe, giáo dục, ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về trật tự, an toàn giao thông.

16. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan thành viên Ban An toàn giao thông tỉnh

a) Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự an toàn giao thông, đặc biệt đẩy mạnh tuyên truyền pháp luật về trật tự an toàn giao thông đến tận cơ sở, phường, xã, thị trấn, tổ dân phố. Tập trung tuyên truyền vào các đối tượng có nguy cơ gây tai nạn giao thông cao, như: lái xe khách, người điều khiển xe mô tô, thanh thiếu niên trên địa bàn nông thôn;...

b) Xây dựng và nhân rộng các mô hình điểm về vận động Nhân dân tham gia bảo đảm trật tự ATGT, đặc biệt chú trọng vận động Nhân dân tham gia bảo vệ, chống lấn chiếm vỉa hè, lòng đường, hành lang ATGT; tích cực tham gia xóa bỏ lối đi tự mở trái phép hoặc xây gô giảm tốc, cắm biển cảnh báo và cảnh giới ATGT tại các điểm giao cắt giữa đường giao thông nông thôn, đường nội bộ khu dân cư với đường sắt.

c) Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, Hội Liên hiệp phụ nữ các cấp trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức người dân trên địa bàn nông thôn trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự ATGT; Liên đoàn Lao động tỉnh đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền, vận động công nhân, viên chức, người lao động tự giác chấp hành pháp luật về trật tự ATGT; Đoàn

Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh tăng cường hướng dẫn kỹ năng tham gia giao thông an toàn, đẩy mạnh thực hiện hiệu quả cuộc vận động “Thanh niên với văn hóa giao thông”; Hội Cựu chiến binh tỉnh tuyên truyền thực hiện cuộc vận động “Cựu chiến binh tham gia giữ gìn trật tự, an toàn giao thông và xây dựng văn hóa giao thông”; Hội nông dân các cấp tuyên truyền, vận động hội viên, nông dân nâng cao ý thức, tự giác chấp hành trật tự, an toàn giao thông.

17. Đề nghị Cục Quản lý Đường bộ III

a) Thường xuyên phối hợp với Ban An toàn giao thông tỉnh, Sở Giao thông vận tải và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, yêu cầu các Nhà đầu tư BOT, các đơn vị quản lý tuyến quốc lộ thực hiện nghiêm việc khắc phục các hư hỏng, bất cập hạ tầng giao thông, đặc biệt trên tuyến quốc lộ 1 qua địa bàn tỉnh; đồng thời đánh giá kết quả thực hiện của Nhà đầu tư, báo cáo, đề xuất Bộ Giao thông vận tải, Cục đường bộ Việt Nam phương án xử lý theo quy định đối với các Nhà đầu tư chậm trễ hoặc không thực hiện đầy đủ các công tác bảo đảm ATGT, duy tu, sửa chữa hạ tầng giao thông; tổ chức kiểm tra, xử lý các vị trí ngập nước trên các tuyến Quốc lộ.

b) Kịp thời phối hợp, chỉ đạo các đơn vị quản lý tuyến Quốc lộ khắc phục và điều chỉnh những bất hợp lý tại các nút giao đồng mức, xử lý “điểm đen” tai nạn giao thông và mất ATGT; khẩn trương rà soát và điều chỉnh hệ thống báo hiệu đường bộ theo Quy chuẩn 41:2019/BGTVT.

c) Tiếp tục kiểm tra, yêu cầu các đơn vị quản lý tuyến bổ sung các cảnh báo, báo hiệu đường bộ tại các vị trí qua trường học trên tuyến Quốc lộ nhằm bảo đảm an toàn tuyệt đối cho các em học sinh tham gia giao thông.

18. UBND huyện, thị xã, thành phố

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2060/QĐ-TTg ngày 12/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chiến lược quốc gia bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 147/KH-UBND ngày 17/8/2020 về kế hoạch thực hiện đề án đảm bảo trật tự, an toàn giao thông và xử lý dứt điểm lối đi tự mở qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Phú Yên theo Quyết định số 358/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Xây dựng các kế hoạch chuyên đề tuyên truyền, vận động gắn với giám sát thực hiện nhiệm vụ bảo đảm trật tự an toàn giao thông, như: Chuyên đề an toàn giao thông cho người đi xe mô tô, xe gắn máy, xe đạp điện; chuyên đề tuyên truyền không điều khiển phương tiện tham gia giao thông khi đã sử dụng rượu bia và các chuyên đề phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; phát huy mạnh mẽ vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, hiệu quả của hệ thống loa phát thanh, hệ thống đài truyền thanh tại các xã, phường, thị trấn, các loại hình văn hóa nghệ thuật dân tộc, các công cụ truyền thông hiện đại để tạo chuyển biến quan trọng trong văn hóa giao thông trên toàn tỉnh.

c) Chỉ đạo các lực lượng chức năng tăng cường tuần tra, kiểm soát ngăn chặn và kiểm chế tai nạn giao thông liên quan đến mô tô, xe gắn máy trên các tuyến đường

nông thôn, nội thị, tỉnh lộ; tăng cường, bố trí thêm các lực lượng khác ngoài Cảnh sát giao thông tham gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông trong các dịp Lễ, Tết; xử lý nghiêm đối với các trường hợp đã uống rượu, bia điều khiển mô tô, xe gắn máy tham gia giao thông, chở quá số người quy định, không đội mũ bảo hiểm khi đi mô tô, xe gắn máy,...

d) Phối hợp ngành đường sắt có kế hoạch xóa bỏ lối đi tự mở qua đường sắt trên địa bàn. Tăng cường biện pháp cảnh giới, bảo đảm an toàn giao thông điểm giao cắt đường bộ với đường sắt không có rào chắn; làm gờ giảm tốc và cắm biển cảnh báo nguy hiểm từ đường phụ ra đường chính tại tất cả các điểm giao cắt giữa đường huyện, đường xã, đường nội bộ, đường giao thông nông thôn (bao gồm cả lối đi tự mở); cương quyết không để phát sinh lối đi tự mở trái phép qua đường sắt, gắn trách nhiệm và xử lý kỷ luật đối với người đứng đầu cấp huyện, xã nếu để phát sinh lối đi tự mở trái phép. Tổ chức cảnh báo có người gác tại các lối đi tự mở qua đường sắt có mật độ phương tiện cao.

đ) Làm tốt công tác phòng ngừa không để xảy ra tình trạng lấn, chiếm, tái lấn chiếm hành lang an toàn giao thông. Chịu trách nhiệm chính trong việc để xảy ra tình trạng lấn, chiếm xây dựng công trình, vật kiến trúc trái phép trong hành lang an toàn giao thông gây mất an toàn giao thông. Rà soát, thống kê, xử lý các chủ xe công nông, xe tự chế 3,4 bánh, xe máy cày kéo rơ moóc trong phạm vi địa phương quản lý và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh nếu các phương tiện này hoạt động trên đường giao thông công cộng trên địa bàn mình quản lý.

e) Xử lý kiên quyết việc lấn, chiếm hành lang an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa gây mất an toàn giao thông theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Tăng cường phát quang, giải tỏa tầm nhìn tại các ngã ba, ngã tư, các đoạn đường cong, đoạn đường có tầm nhìn bị che khuất của các tuyến đường được phân công quản lý trên địa bàn; đảm bảo an toàn giao thông tại các bến đò, bến khách ngang sông, bến thủy nội địa.

g) UBND cấp huyện phối hợp với các đơn vị quản lý tổ chức, triển khai xây dựng các trạm dừng nghỉ theo quy hoạch để phục vụ nhu cầu thiết yếu của lái xe, hành khách, phương tiện dọc các tuyến đường quốc lộ và đường tỉnh, đảm bảo người lái xe không quá 04 giờ là được dừng nghỉ theo quy định.

h) Tiếp tục duy trì, củng cố, nâng cao chất lượng mô hình xã, phường, thị trấn “Tự quản về An toàn giao thông”, “Thấp sáng Quốc lộ”, “Thấp sáng đường quê”,...

i) Chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh nếu để gia tăng các tiêu chí tai nạn giao thông trên địa bàn quản lý; không xem xét các hình thức thi đua, khen thưởng nhà nước đối với tập thể UBND huyện, thị xã, thành phố và Chủ tịch UBND - Trưởng Ban An toàn giao thông các huyện, thị xã, thành phố nếu trong năm để xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn mà nguyên nhân đã được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo nhưng chưa kịp thời khắc phục (điểm đen về tai nạn giao thông, đường dân sinh, lối đi tự mở, đường ngang đường sắt...).

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở , ban, ngành, hội đoàn thể và Chủ tịch UBND các huyện , thị xã, thành phố có trách nhiệm:

a) Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm xây dựng Kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung của Kế hoạch này ; đưa tiêu chí an toàn giao thông là một trong những tiêu chí xét thi đua hàng năm của các đơn vị, địa phương; tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tăng cường kiểm tra , đôn đốc việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ , giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế ở từng ngành, lĩnh vực, địa phương nhằm đạt được mục tiêu đã đề ra.

b) Định kỳ hàng quý , 6 tháng, năm báo cáo kết quả thực hiện , gửi về Ban An toàn giao thông tỉnh để tổng hợp , báo cáo HĐND tỉnh , UBND tỉnh, Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia và các cơ quan có liên quan theo quy định.

2. Giao Ban An toàn giao thông tỉnh chủ trì , phối hợp với các sở , ban, ngành, đoàn thể, địa phương theo dõi , đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này ; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo và kiến nghị cấp có thẩm quyền về ban hành các cơ chế , chính sách phù hợp và tổ chức triển khai các nhiệm vụ , giải pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả Kế hoạch này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu cần thiết phải sửa đổi, bổ sung những nội dung của Kế hoạch này, các sở, ban, ngành, hội đoàn thể, địa phương chủ động có văn bản đề xuất , kiến nghị gửi về Ban An toàn giao thông tỉnh để tổng hợp , báo cáo đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo thực hiện./ . □

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1033/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực
tiếp công dân, xử lý đơn thuộc thẩm quyền giải quyết
của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8 /2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 595 /TTr-TTr ngày 24/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân và Danh mục 01 thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên (kèm theo Danh mục).

Điều 2:

- Thanh tra tỉnh có trách nhiệm Cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*).

- UBND cấp huyện thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền và niềm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính của huyện và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh tại Quyết định số 967/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

I. LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN

Số TT	Tên thủ tục được hành chính thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Tiếp công dân tại cấp huyện	Tiếp công dân tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban tiếp công dân cấp huyện, Thanh tra huyện; các phòng chuyên môn cấp huyện.	Không	Luật Tiếp công dân năm 2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo thủ tục tiếp công dân cấp huyện tại Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 về việc Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

II. LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN

Số TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Xử lý đơn tại cấp huyện	Xử lý đơn tại cấp huyện	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban tiếp công dân cấp huyện, Thanh tra huyện; các phòng chuyên môn cấp huyện.	Không	Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khiếu nại	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo thủ tục tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

Số TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			ngghi, phản ánh.	cấp huyện.		định một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; Luật Tố cáo năm 2018; Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Tố cáo; Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị phản ánh.	theo thủ tục xử lý đơn cấp huyện tại Quyết định số 194/QĐ-TTCT ngày 20/5/2022 về việc Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1034/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 30 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8 /2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ về quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;

Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 595 /TTr-TTr ngày 24/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân và Danh mục 01 thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra tỉnh (kèm theo Danh mục).

Điều 2:

- Thanh tra tỉnh có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để

công khai trên Cổng Dịch vụ công trực tuyến tỉnh theo đúng quy định (*chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành*); thực hiện niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Các sở, ban, ngành tỉnh thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo Quyết định công bố trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và bãi bỏ danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực tiếp công dân, xử lý đơn tại Quyết định số 968/QĐ-UBND ngày 14/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC
TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA
THANH TRA TỈNH**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

I. LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN

Số TT	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	Tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, người tiếp công dân có trách nhiệm trả lời trực tiếp hoặc thông báo bằng văn bản đến người đã đến khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Trụ sở Ban tiếp công dân tỉnh; bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh, các sở, ban, ngành thuộc UBND cấp tỉnh.	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; Thông tư số 04/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được thay thế theo thủ tục tiếp công dân cấp tỉnh tại Quyết định số 193/QĐ-TTCT ngày 20/5/2022 về việc Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ

II. LĨNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN

Số TT	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
			Trong thời	Ban	Không	- Luật Khiếu	Những bộ

Số TT	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	Xử lý đơn tại cấp tỉnh	hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Tiếp công dân tỉnh; bộ phận xử lý đơn thuộc Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành		nại năm 2011; Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định một số điều và biện pháp thi hành Luật khiếu nại; Luật Tố cáo năm 2018; Nghị định số 31/2019/NDD-CP ngày 10/4/2019 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Tố cáo; Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị phản ánh.	phận còn lại của thủ tục hành chính được thay thế theo thủ tục xử lý đơn cấp tỉnh tại Quyết định số 194/QĐ-TTCT ngày 20/5/2022 về việc Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp xử lý đơn thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: congbao@phuyen.gov.vn;

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.